

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số mới 0301150295 (số cũ 4103006483) do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 30/08/2010)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 3/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09 tháng 3 năm 2013)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được công bố từ ngày 15/03/2013.

1. CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

Địa chỉ: Lô B 3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Trung Lập Hạ, Củ Chi, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3790 7619

Fax: (84.8) 3790 7461

Email: berubco@berubco.com.vn

Website: <http://www.berubco.com.vn/>

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT _ CN TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 29-31 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 6290 8686

Fax: (84.8) 62910607

Website: : <http://www.fpts.com.vn/>

Người Công bố thông tin

Tên: Lưu Thị Tố Như

Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Điện thoại: (84.8) 3790 7619

Fax: (84.8) 3790 7461

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số mới 0301150295 (số cũ 4103006483) do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 30/08/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: cổ phiếu CTCP Cao Su Bến Thành

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Giá bán: 10.800 VNĐ

Tổng số lượng chào bán: 4.124.999 cổ phần

Tổng giá trị chào bán: 41.249.990.000 VNĐ (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – TƯ VẤN ĐẤT VIỆT

Địa chỉ: 02 Huỳnh Khương Ninh, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3910 5401

Fax: (84.8) 3910 5402

Email: vietland@vietlandaudit.com.vn

Website: www.vietlandaudit.com.vn



TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.7) 377307070 – 6271 7171 Fax: (84.4) 3773 9058

CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 29-31 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 6290 8686

Fax: (84.8) 62910560





MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BCB	8
III.	CÁC KHÁI NIỆM	8
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	10
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	70
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	76
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	90
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	94
IX.	PHỤ LỤC.....	94

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

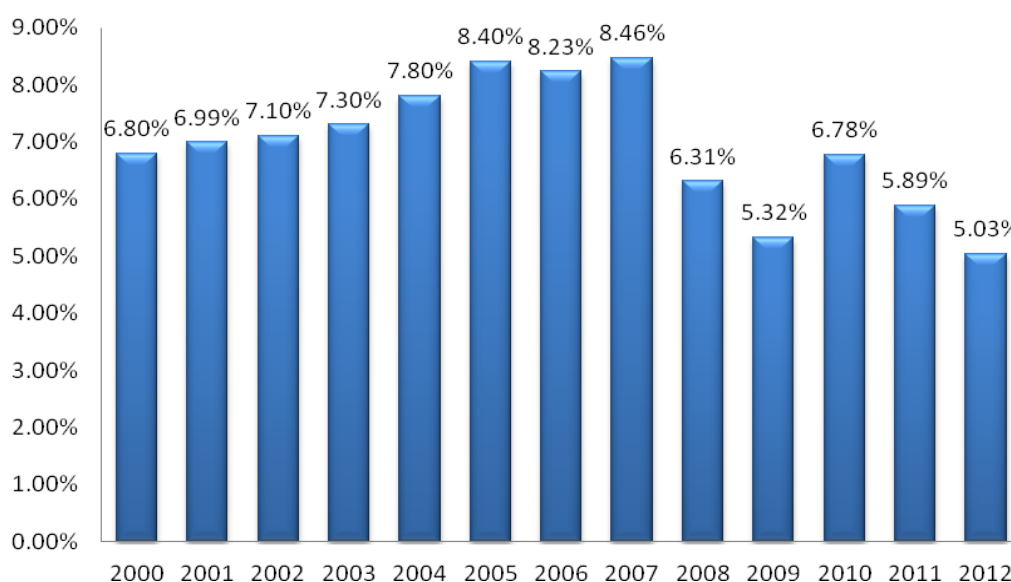
1. Rủi ro về kinh tế:

Theo tổng cục thống kê Việt Nam, bước sang năm 2012, nền kinh tế thế giới bắt đầu có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, hậu quả kéo dài của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công Châu Âu vẫn là một trong những nguyên nhân khiến nền kinh tế thế giới chưa có dấu hiệu khôi phục rõ ràng. Tăng trưởng của tất cả các nền kinh tế phát triển và đang phát triển trong năm 2012 chỉ đạt được mức thấp.

Trong bối cảnh bất lợi của nền kinh tế thế giới, cộng thêm với những vấn đề bất ổn còn tồn tại lâu năm, chưa được giải quyết triệt để mà đáng kể nhất là tình hình lạm phát tăng cao trong những năm 2010, 2011, lãi suất cho vay luôn biến động ở mức cao khiến tình hình sản xuất, kinh doanh trong nước gặp nhiều khó khăn.

Những nguyên nhân kể trên làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam không đạt được như kỳ vọng. Tính đến hết năm 2012, GDP Việt Nam chỉ tăng 5,03% so với cùng kỳ năm 2011. Trong đó quý I tăng 4,64%; quý II tăng 4,80%; quý III tăng 5,05%; quý IV tăng 5,44%.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ năm 2000 đến 2012



Nguồn: Tổng cục thống kê và dự báo

Là một công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su như băng chuyền, dây courroie,... phục vụ cho các ngành sản xuất công nghiệp, tiêu biểu như xi măng, khai thác than, phân bón và một số ngành công nghiệp khác. Vì vậy mọi sự biến động của nền kinh tế Việt Nam nói chung hay những biến động trong khu vực công nghiệp nói riêng đều có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Rủi ro về luật pháp:

Là công ty được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo chỉ đạo của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh tháng 5 năm 2007, mọi hoạt động của công ty sẽ chịu sự chi phối của Luật Doanh Nghiệp, Luật chứng khoán và một số bộ luật khác có liên quan như Luật đầu tư, Luật thuế thu nhập,... Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập vào WTO, hệ thống pháp lý Việt Nam sẽ hoàn thiện cho phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế và Việt Nam, mọi thay đổi trong hệ thống luật pháp Việt Nam đều hướng tới việc tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, các sản phẩm kinh doanh chủ yếu của BERUBCO đều sử dụng nguyên liệu chính từ cao su. Đây là một ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ những chính sách của nhà nước. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng đồng thời bị tác động bởi những nghị định, văn bản của nhà nước trong lĩnh vực này.

3. Rủi ro đặc thù:**❖ Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào:**

Nguyên liệu đầu vào sử dụng trong sản xuất các sản phẩm của BERUBCO chủ yếu là cao su thiên nhiên chiếm khoảng 70%, còn lại là cao su tổng hợp và các nguyên vật liệu khác. Mặc dù, nguồn cung cao su thiên nhiên chủ yếu là từ các doanh nghiệp trong nước nhưng giá cả của loại vật liệu này vẫn còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ giá cao su thiên nhiên trên thế giới. Thống kê giá cao su từ sàn Tocom cho thấy từ đầu năm 2012 giá cao su thiên nhiên tại các nước trên thế giới đều có xu hướng giảm. Trong nước, từ đầu năm 2012 đến nay giá cao su biến động mạnh, tăng lên trong mùa khô khi cây cao su được ngưng cạo mủ và giảm dần khi nguồn cung dồi dào do cây cao su được khai thác trở lại trong mùa mưa. Tuy nhiên, nhìn chung thì giá cao su trong nước năm 2012 vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm 2011. Giá cao su thiên nhiên trong nước giảm tạo thuận lợi cho BERUBCO trong việc tiết giảm chi phí nguyên liệu đầu vào.

Là một doanh nghiệp có uy tín và hoạt động lâu năm trong ngành, BERUBCO ý thức được rất rõ tầm quan trọng của việc bình ổn giá cả nguyên liệu đầu vào. Vì vậy, Công ty luôn thiết lập được mối quan hệ lâu dài và uy tín với những đối tác trong nước đảm bảo tính ổn định cho giá cả nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều nhà cung cấp cao su thiên nhiên khác để có được nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý

❖ Rủi ro về biến động giá cả đầu ra:

Hiện nay BERUBCO là thương hiệu sản xuất băng tải hàng đầu và là một trong hai nhà máy sản xuất băng tải tại Việt Nam. Thị phần trong nước của công ty từ 30% – 40% thị phần các sản phẩm cao su cùng loại, chiếm thị phần lớn nhất ở thị trường trong nước.



Năng suất của nhà máy hiện tại vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nội địa nên trong thời gian tới công ty sẽ tiếp tục đầu tư, phát triển nhà máy nhằm gia tăng cung cấp cho thị trường trong nước và mở rộng xuất khẩu. Mục tiêu của Công ty là sản xuất sản phẩm với giá thành hợp lý và chất lượng cao, đẩy mạnh việc đưa sản phẩm đến với khách hàng nội địa và phát triển sang nước ngoài.

Tuy nhiên, Công ty cũng đang gặp phải những thách thức rất lớn từ hàng ngoại chất lượng thấp nhưng có giá rẻ chủ yếu là các sản phẩm đến từ Trung Quốc đang cạnh tranh rất gay gắt với hàng trong nước. Song, đây cũng là cơ hội, điều kiện để Công ty cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm, tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa, khẳng định rõ nét vị thế của thương hiệu BERUBCO trong tâm trí của người sử dụng.

❖ **Rủi ro về tỷ giá:**

Cao su tổng hợp cũng là một trong số các nguyên liệu chính phục vụ trong quá trình sản xuất các sản phẩm của BERUBCO. Nguyên liệu này vẫn còn phải nhập khẩu từ nước ngoài, điều này sẽ tác động đến hoạt động của công ty khi có bất kỳ sự thay đổi nào trong tỷ giá ngoại tệ. Đồng thời, năm 2012 công ty xác định xuất khẩu là thị trường tiềm năng, mục tiêu đến 2015 kim ngạch xuất khẩu của công ty sẽ đạt 2 triệu USD. Với mục tiêu đó, rủi ro về biến động tỷ giá tất yếu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Theo dự báo của HSBC trong báo cáo về triển vọng thị trường tiền tệ, số ra tháng 01 năm 2013, USD được duy trì ở mức 20.900 đồng và được dự báo sẽ ở mức 21.000 đồng trong quý I và quý II năm 2013. Sang quý III, quý IV năm 2013 USD được dự báo sẽ tăng lên mức 21.500 đồng.

❖ **Rủi ro về lãi suất:**

Năm 2012, lãi suất cho vay trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã được điều chỉnh giảm còn 13,5% - 15% giúp giảm bớt áp lực cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn này còn rất thấp và con số trên vẫn chưa phải là con số thuận lợi nhất để các doanh nghiệp sản xuất đặc biệt là sản xuất công nghiệp có thể bỏ qua mối lo ngại về chi phí lãi vay.

Đến cuối năm 2012 tỷ lệ nợ vay ngân hàng trên tổng tài sản của BERUBCO là 18,6%, tỷ lệ này không quá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, tuy nhiên trong bối cảnh lãi suất ngân hàng vẫn chưa ổn định thì rủi ro này vẫn còn là một vấn đề đáng quan tâm. Vì vậy Công ty đã chủ động các phương án dự phòng nhưng tiềm kiếm các nguồn vay với lãi suất ưu đãi, tăng cường thu hồi các khoản phải thu,... để hạn chế thấp nhất rủi ro do biến động lãi suất.

4. Rủi ro từ đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành:

Rủi ro từ đợt chào bán này được xem là rất thấp vì đối tượng được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là cổ đông hiện hữu nên người được quyền mua cổ phiếu hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình



hình kinh doanh cũng như Ban lãnh đạo Công ty. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán. Trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt chào bán, lãnh đạo BERUBCO cũng đã cam kết sẽ chào bán hết toàn bộ số lượng cổ phiếu không bán hết cho đối tác phù hợp.

5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu:

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi BERUBCO thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán ưu đãi (thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành). Đối với đợt phát hành tăng vốn điều lệ của BERUBCO, có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

Tổng số cổ phiếu chào bán: 4.124.999 cổ phần (Bốn triệu một trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín cổ phần) cho cổ đông hiện hữu của Công ty với giá phát hành là 10.800 đồng/cp.

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(P_{Rt-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Trong đó:

P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.

P_{Rt-1} : là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày dịch không hưởng quyền.

PR : là giá phát hành.

Ví dụ :

Giả sử giá cổ phiếu BERUBCO vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 12.000 đồng/cổ phiếu (P_{Rt-1}). Tổng số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là 4.124.999 cổ phần. Giá chào bán là 10.800 đồng/cp. Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 8.249.998 cổ phần. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau :

$$P_{tc} = \frac{(12.000 \times 8.249.998) + (10.800 \times 4.124.999)}{8.249.998 + 4.124.999} = 11.600 \text{ đồng/cổ phần}$$

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của BERUBCO cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của BERUBCO.

Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

6. Rủi ro của dự án sử dụng vốn:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành này của BERUBCO sẽ được sử dụng làm vốn đối ứng cho dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép.



Băng tải lõi thép được sử dụng rất phổ biến trong các ngành công nghiệp hiện nay như: sản xuất xi măng, phân bón, thực phẩm,... với những tính năng vượt trội về khả năng chịu lực căng tốt, khả năng chống võng cao, độ dẫn dài cực nhỏ, độ bám cao, chịu va chạm tốt,... Hiện tại, toàn bộ các loại băng tải lõi thép trên thị trường Việt Nam đều được nhập ngoại, chưa có doanh nghiệp trong nước nào có thể tự sản xuất mặt hàng này trong khi nhu cầu của thị trường là rất lớn. Việc đầu tư vào dự án băng tải lõi thép sẽ giúp BERUBCO trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và chiếm được nhiều ưu thế trên thị trường.

Tuy nhiên, trong thời gian đầu, các chi phí về khấu hao, chi phí nhân công, chi phí vận hành dây chuyền sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Dây chuyền mới cần thời gian chạy thử nên chưa thể hoạt động hết công suất, sản phẩm mới cũng cần thời gian để thị trường chấp nhận. Do đó, cổ tức của cổ đông trong thời gian này có thể bị tác động.

Để tối thiểu hóa ảnh hưởng từ rủi ro của dự án, BERUBCO đã thành lập Ban chuyên trách quản lý việc giải ngân cho dự án và đảm bảo tiến độ triển khai dự án, đồng thời lên quy trình triển khai để có sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, đảm bảo sản phẩm mới đưa ra thị trường thuận lợi.

7. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là các rủi ro về hỏa hoạn. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành**

Ông: Huỳnh Trung Trực

Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Ông: Nguyễn Văn Thanh

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bà: Lưu Thị Tố Như

Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Ông: Nguyễn Văn Lương

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: Nguyễn Văn Trung

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Giấy ủy quyền số: 136 - 2012/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do CTCP Chứng Khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với CTCP Cao Su Bến Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Cao Su Bến Thành cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

BERUBCO	:	Công ty cổ phần cao su Bến Thành
FPTS	:	Công ty cổ phần chứng khoán FPT
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban Kiểm Soát
KCN	:	Khu công nghiệp
UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán nhà nước
BCTC	:	Báo cáo tài chính
SGDCK	:	Sở giao dịch chứng khoán
TGD	:	Tổng giám đốc
HĐLĐ	:	Hợp đồng lao động
TSCĐ	:	Tài sản cố định
VNĐ	:	Việt Nam đồng
VĐL	:	Vốn điều lệ
Tổ chức tư vấn	:	CTCP Chứng Khoán FPT
Tổ chức phát hành	:	CTCP Cao Su Bến Thành

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu về công ty:

Tên công ty	: CTCP CAO SU BẾN THÀNH
Tên tiếng Anh	: BEN THANH RUBBER JOIN STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: BERUB JSC
Logo	: 
Vốn điều lệ	: 82.499.980.000VNĐ (tám mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng)
Trụ sở chính	: Lô B 3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84.8) 3790 7619 – 3790 8068
Fax	: (84.8) 3790 7461
Email	: berubco@berubco.com.vn
Website	: http://berubco.com.vn

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số mới 0301150295 (số cũ 4103006483) đăng ký lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/08/2010, ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành là:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su như băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh)
- Sản xuất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc;
- Xây dựng công trình dân dụng; đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh nhà hàng khách sạn. Kinh doanh nhà.

**2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Quá trình phát triển của Công ty:

Năm 1976	Là Xí Nghiệp Cao Su Giải Phóng trực thuộc Sở Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh, tọa lạc trong nội thành Quận 11.
Năm 1994	Đổi tên thành Công Ty Cao Su Bến Thành trực thuộc Sở Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh chuyên sản xuất các sản phẩm chi tiết từ cao su cung cấp cho nhà máy sản xuất của các ngành công nghiệp.
Năm 1998	Thực hiện chỉ đạo của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, công ty cao su Bến Thành di dời về khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi rộng 2 hecta và đầu tư mới toàn bộ thiết bị sản xuất hiện đại.
Năm 1999	Công ty đã phát triển thêm 02 dây chuyền sản xuất mới đồng bộ được nhập khẩu từ Đài Loan. Năng lực sản xuất của Nhà máy hằng năm đạt trên 150.000m² băng tải, 150.000.000 inch dây Courroie, v.v.
Tháng 5/2007	Đổi tên thành Công ty cổ phần cao su Bến Thành (BERUBCO) trực thuộc Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn
Tháng 3/2008	Tăng vốn điều lệ lần đầu lên 75.000.000.000 đồng.
Năm 2010	Công ty cổ phần Cao su Bến Thành phát triển trên sản phẩm chủ lực là Băng tải trong sản xuất mang nhãn hiệu BERUBCO được nhiều doanh nghiệp lớn lựa chọn. Nhãn hiệu BERUBCO cũng được công nhận của Bộ Khoa Học và Công Nghệ - Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam và đạt Tiêu Chuẩn Công Nghệ Nhật Bản JIS K6322, JIS K6323.
Tháng 7/2010	Công ty phát hành cổ phiếu thưởng nâng vốn điều lệ lên 82.499.980.000 đồng, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4 ngày 30/08/2010.
13/12/2011	Cổ phiếu BERUBCO được chính thức giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Năm 2012	Tiến hành đầu tư dây chuyền sản xuất băng tải cao su lõi thép, có tính năng vượt trội so với băng tải lõi vải thông thường, dự án đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tham gia chương trình kích cầu đầu tư trên địa bàn thành phố, với mức hỗ trợ là 100% lãi suất vay của các tổ chức tín dụng.

Những thành tích đạt được :

Trong quá trình hoạt động từ năm 1976 đến nay, Công ty đã có những danh hiệu như sau:

- Năm 1994: Huân chương Lao động hạng 3
- Năm 2002: Hội chợ quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam
- Năm 2004: HCV dây courroie, HCV băng tải, cúp vàng hàng công nghiệp Việt Nam
- Năm 2008: HCV dây courroie, HCV băng tải, cúp vàng hàng công nghiệp hàng đầu Việt Nam
- Năm 2009: Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh
- 2 cúp vàng giải thưởng quốc gia về thương hiệu hàng đầu Việt Nam
- 6 huy chương vàng tại hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam
- Thương hiệu băng tải số 1 tại Việt Nam.
- Năm 2011: Huân chương Lao động hạng 3



Bằng chứng nhận Cúp vàng thương hiệu Công Nghiệp hàng đầu Việt Nam

Bằng chứng nhận Cúp vàng thương hiệu Công nghiệp Việt Nam

Huân chương lao động Hạng 3, năm 2011



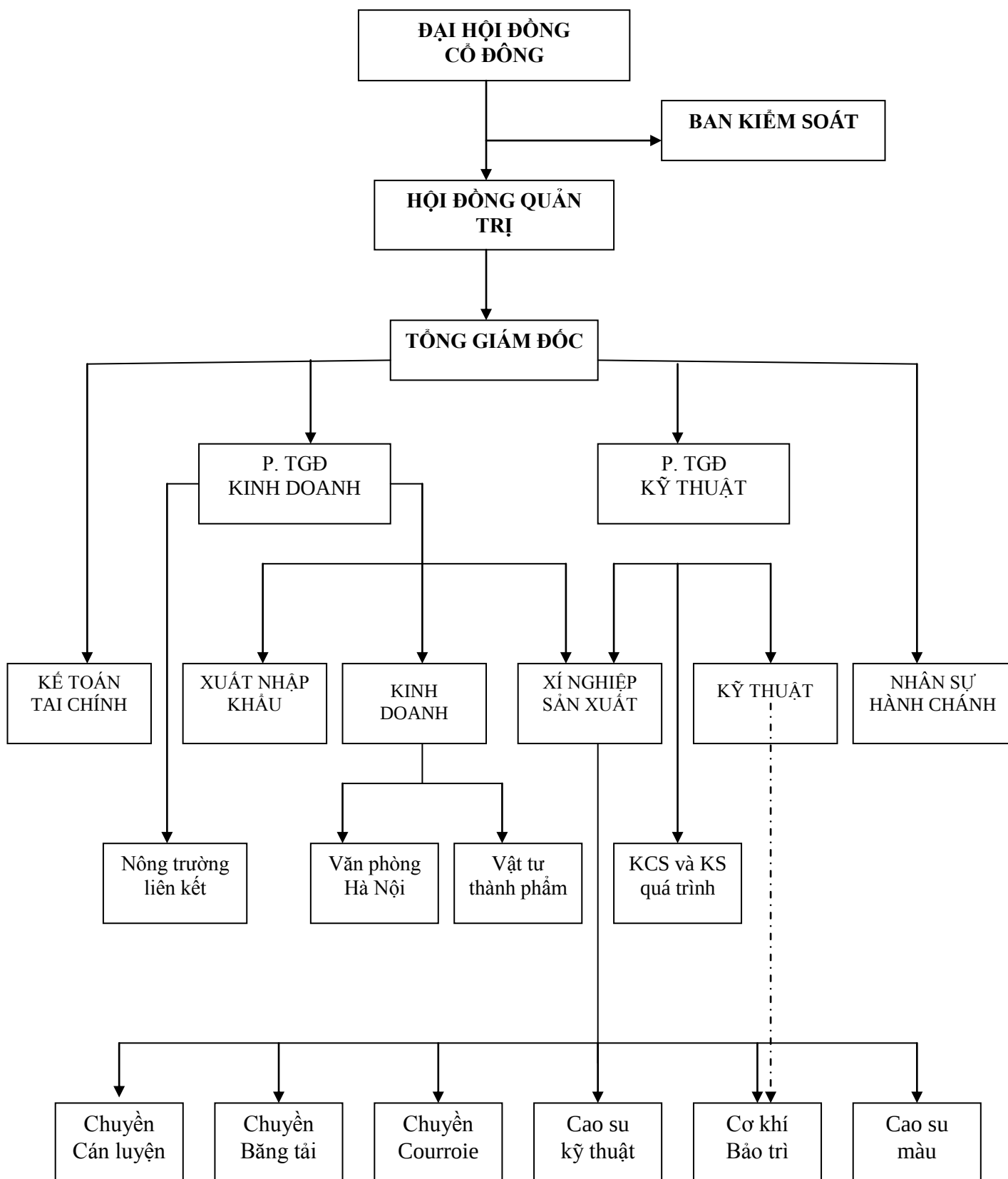
Huy chương vàng cho sản phẩm băng tải tại hội chợ hàng công nghiệp VN

Huy chương vàng cho sản phẩm dây courroie tại hội chợ hàng công nghiệp VN

Huy chương vàng hàng công nghiệp VN

3. Cơ cấu tổ chức và quản lý công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định theo luật doanh nghiệp 2005, tuân thủ các quy định pháp luật khác và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty được trình bày theo sơ đồ sau:





Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BERUBCO. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua chiến lược phát triển; bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty.

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra mọi hoạt động quản trị, tài chính và điều hành sản xuất, kinh doanh của công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Bến Thành gồm 05 thành viên.

Ban Điều hành

Ban điều hành bao gồm: Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

- Tổng giám đốc: Phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, quản lý trực tiếp hoạt động của Phòng tài chính kế toán, Phòng nhân sự hành chính. Các phó giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc, phụ trách chính 2 mảng kinh doanh và kỹ thuật .
- Phó giám đốc kinh doanh: trực tiếp chỉ đạo mảng kinh doanh – tiếp thị của công ty
- Phó giám đốc kỹ thuật chỉ đạo trực tiếp mảng kỹ thuật – công nghệ của xưởng sản xuất.



Phòng Tài chính – Kế toán:

- Xây dựng kế hoạch tài chính, kiểm soát và phân tích kết quả thực hiện.
- Thống kê, kiểm soát, phân tích kế hoạch đầu tư tài chính của công ty
- Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra, giám sát việc sử dụng chi phí của các phòng ban và đơn vị trực thuộc, phân tích và tìm giải pháp hợp lý để giảm chi phí, hạ giá thành
- Kiểm soát vốn đầu tư vào các liên doanh, các dự án đầu tư phát triển của công ty
- Huy động vốn, đầu tư, sử dụng, cân đối tài chính đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.
- Phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và công ty.

Phòng Hành chính - Nhân sự:

Nhân sự: Thực hiện các chính sách quản trị nguồn lực và tuyển dụng nhân lực cho công ty. Quản lý về công tác nhân sự, phổ biến, triển khai và thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động. Phân tích các nguồn lực, tham mưu cho TGD sử dụng nguồn lực có hiệu quả. Thực hiện công tác huấn luyện, đào tạo, thi tay nghề, nâng bậc thợ, nâng lương, tuyển dụng, chấm dứt HĐLĐ. Thi đua, khen thưởng, kỷ luật. Kết hợp soạn thảo Thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy chế quản lý nội bộ. Quản lý hồ sơ lao động và con dấu của công ty. Thủ tục cử cán bộ, công nhân viên đi công tác nước ngoài. Quản lý và điều hành tổ bảo vệ.

Hành chính: Bộ phận hành chính hỗ trợ bôi trơn cho các hoạt động của các phòng ban khác.

Phòng kỹ thuật:

Nghiên cứu, phát triển sản phẩm hiện tại, sản phẩm mới. Bao gồm các hoạt động chính như sau:

- + Chỉ đạo nghiên cứu, cải tiến sản xuất, thử nghiệm sản phẩm mới
- + Xây dựng các tài liệu về quy trình sản xuất, quản lý chất lượng
- + Xây dựng các hạn mức kỹ thuật và kiểm soát việc thực hiện
- + Bảo trì, sửa chữa và kiểm soát sự hoạt động của máy móc, thiết bị
- + Quản lý và hiện chuẩn dụng cụ đo, thiết bị có yêu cầu an toàn
- + Kiểm tra nguyên vật liệu, nghiệm thu khuôn, máy móc thiết bị
- + Soạn thảo tài liệu, tham gia đào tạo tay nghề, thi nâng bậc cho công nhân
- + Giải quyết các khiếu nại của khách hàng có liên quan đến kỹ thuật, ngoại quan và chất



- + Nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến cải tiến, thực hành tiết kiệm

Phòng kinh doanh: bao gồm văn phòng Hà Nội và Phòng vật tư thành phẩm

- + Quản lý toàn bộ công việc bán hàng trong và ngoài nước, nghiên cứu thị trường, dựa vào qui mô hiện có của công ty lập kế hoạch tiêu thụ và thực hiện bằng các phương thức hữu hiệu, kinh tế nhất.
- + Kết hợp nhu cầu sản xuất, thực hiện tốt công tác xuất khẩu, thu mua nguyên liệu, bao bì sử dụng trong quá trình sản xuất, với giá cả hợp lý; bảo quản ổn định, lâu dài và an toàn. Thiết lập mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp để việc sản xuất và tiêu thụ được tiến hành thuận lợi, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, tạo thuận lợi cho công ty
- + Giải quyết các khiếu nại của khách hàng về thời gian giao hàng, giá cả sản phẩm

Phòng xuất nhập khẩu:

- Mở rộng các quan hệ quốc tế để tìm kiếm các cơ hội hợp tác – kinh doanh trong và ngoài nước.
- Quảng bá thương hiệu, nâng cao uy tín, giá trị Công ty.
- Thực hiện và hoàn tất các thủ tục Xuất - Nhập khẩu của công ty

Xí nghiệp sản xuất:

Bao gồm chuyền cán luyện, chuyền băng tải, xưởng cao su kỹ thuật, chuyền courroie, xưởng cao su mà, xưởng cơ khí bảo trì.

Nông trường liên kết:

Nông trường liên kết Phước Minh được đầu tư để hỗ trợ cung cấp nguyên liệu cao su thiên nhiên phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện tại, nông trường đã được đưa vào khai thác và đáp ứng tương đối nhu cầu cao su thiên nhiên của công ty hằng năm.

KCS và kiểm soát quá trình: chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát toàn bộ các công đoạn, quá trình sản xuất từ khâu nguyên vật liệu đầu vào đến khi sản phẩm hoàn thành nhập kho.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông****4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty đến ngày 31/12/2012**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (ngàn đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	11/121 Lê Đức Thọ, P17, Q.GV	2.457.578	24.575.780	29,8%
	- Đại diện Vốn Nhà nước do Ông Nguyễn Văn Thanh _ TV HĐQT đại diện		1.484.940	14.849.400	18%
	- Đầu tư của công ty do ông Nguyễn Bán _ TV HĐQT đại diện		972.638	9.726.380	11,8%
2	CTCP Xi măng Hà Tiên 1	Km 8 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức	2.310.000	23.100.000	28%
3	Tập đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam	236 NKKN, P6, Q3, Tp.HCM	1.769.770	17.697.700	21,5%
	Tổng cộng		6.537.348	65.373.480	79,24%

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Cao Su Bến Thành tính đến ngày 31/12/2012

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301150295 (số cũ 4103006483) lần đầu vào ngày 20/04/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 10/08/2012.

Theo Luật doanh nghiệp, sau thời gian 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.



4.3. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Trong nước:	8.239.818	82.398.180	99,9%
Cá nhân	1.699.170	16.991.700	20,6%
Tổ chức	6.540.648	65.406.480	79,3%
Ngoài nước:	10.180	101.800	0,1%
Cá nhân	0	0	0,0%
Tổ chức	10.180	101.800	0,1%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng cộng	8.249.998	82.499.980	100 %

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Cao Su Bến Thành tính đến ngày 31/12/2012

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, công ty có liên quan của tổ chức phát hành

- ❖ Công ty mẹ: không có
- ❖ Công ty con: không có
- ❖ Các công ty có liên quan:

Tên	Địa chỉ	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Cao Su 30/4 Tây Ninh	Xã Phước Ninh, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh	695	50%

Nông trường cao su Phước Minh là nông trường liên kết giữa BERUBCO và Công ty TNHH MTV Cao Su 30/4 Tây Ninh, với tổng diện tích 100 hecta, cao su tại nông trường đang trong độ tuổi khai thác, mỗi năm sản xuất được gần 200 tấn mủ quí khô, đáp ứng 30% - 40% nhu cầu nguyên liệu cho BERUBCO.

**6. Quá trình tăng vốn của công ty:**

Tăng vốn lần đầu: Từ 40.000.000.000 đồng lên 75.000.000.000 đồng. Ngày kết thúc 1/3/2008.

❖ Phát hành cho cán bộ công nhân viên:

- Giá phát hành: 10.200 đồng/cổ phiếu
- Số lượng phát hành: 200.000 cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm kể từ ngày mua cổ phần.

❖ Phát hành cho đối tác chiến lược

- Giá phát hành: 20.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng phát hành: 2.500.000 cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm kể từ ngày mua cổ phần

❖ Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Ngày chốt danh sách cổ đông: 31/12/2007
- Giá phát hành: 17.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông tại ngày chốt danh sách: 65 cổ đông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 5:1
- Số lượng phát hành: 800.000 cổ phiếu

❖ Tổng số cổ đông sau khi phát hành: 96 cổ đông**❖ Tổng số cổ phiếu phát hành thêm: 3.500.000 cổ phần****❖ Tổng giá trị cổ phần phát hành thêm: 35.000.000.000 VNĐ****❖ Đơn vị cấp: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước**

Tăng vốn lần 02: Từ 75.000.000.000 đồng lên 82.499.980.000 đồng

❖ Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

- Tỷ lệ phân bổ cổ phiếu thưởng: 10:1
- Ngày chốt danh sách: 05/07/2010
- Ngày phát hành: 06/07/2010
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 749.998 cổ phần
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 235 cổ đông
- Đơn vị cấp: Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

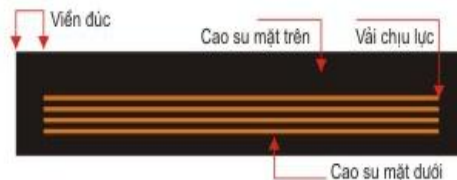
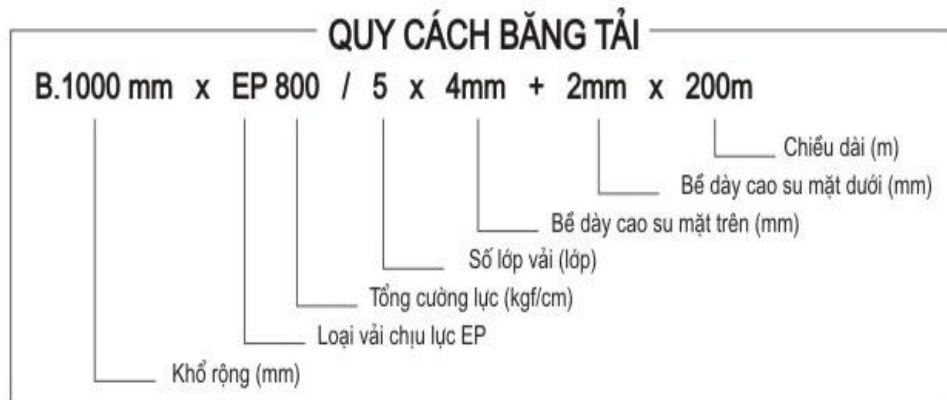
7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm

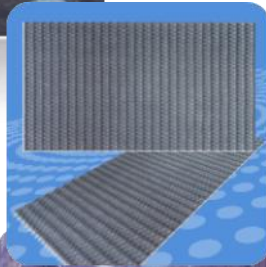
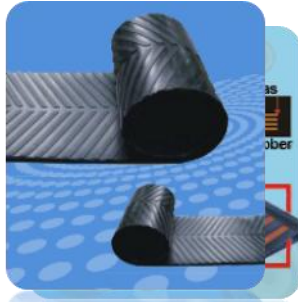
7.1.1. Sản phẩm dịch vụ chính của công ty

❖ Sản phẩm băng tải:

Là sản phẩm chủ lực của BERUBCO được sử dụng trong các dây chuyền sản xuất thuộc các ngành khai thác than, đá, sản xuất xi măng, phân bón, ngành cơ khí chế tạo máy...



Chi tiết một số loại băng tải của BERUBCO:



Băng tải gân:

Băng tải thông dụng:

- Dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu dạng bột/hạt như cát, sạn, than mịn
- Loại băng này dùng để tải những nguyên vật liệu rời đi đoạn đường nghiêng góc từ 17 ~ 28 độ và
- Góc gân và bước gân được thiết kế phù hợp để
- Các gân và lớp cao su mặt trên được đúc dính chặt với nhau bằng lưu hóa nóng.
- Lớp cao su mặt được làm bằng nguyên liệu

Băng tải nhám:

- Loại băng tải này dùng để chuyển tải hàng đóng bao/thùng, phụ tùng ô tô và các mặt hàng dễ bị biến dạng và dễ vỡ.
- Cao su bề mặt được thiết kế hình gân nhám để chuyển tải những mặt hàng dễ bị móp méo và dễ vỡ đi trên đoạn đường nghiêng góc từ 20 ~ 30 độ,
- Loại băng tải này dùng để chuyển tải những sản phẩm có cấu trúc mềm yếu như đất sét, gạch, đá, cát, sỏi, đá vôi, ...

Băng tải tại bèo:

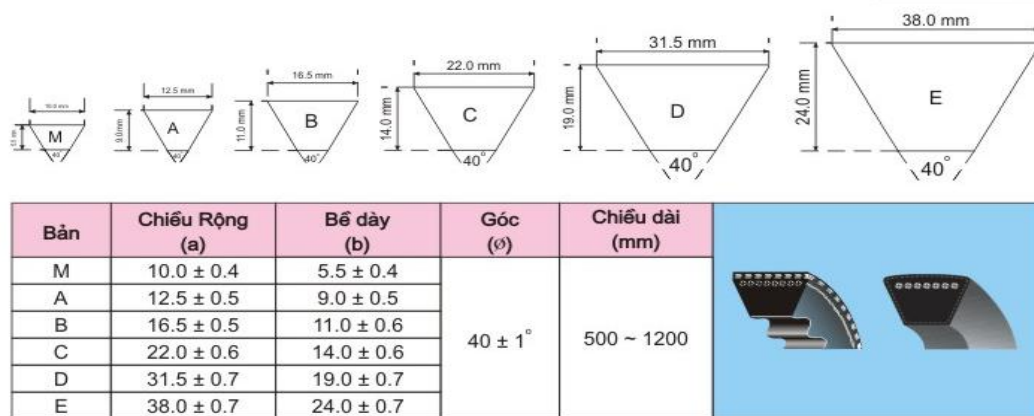
- Loại băng này dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu/sản phẩm dạng bột dễ bị rơi vãi ra hai bên.
- Ở hai biên có lớp cao su thẳng đứng đỡ băng tải bèo dùng để chắn không cho nguyên vật liệu/ sản phẩm rơi vãi hai bên.
- Lớp cao su mặt được làm bằng nguyên liệu được xử lý bằng hóa chất có tính năng kháng bắt lửa đáp ứng tiêu chuẩn ISO, DIN, JIS và RMA.



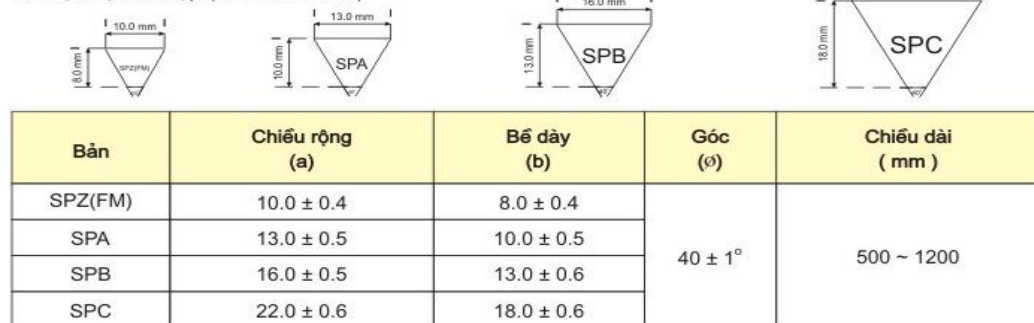
- ❖ **Sản phẩm courroie: được sử dụng nhiều trong tất cả các ngành công, nông, ngư nghiệp**
 - Đặc điểm chính về công nghệ: vải bao dây được nhúng cao su và sử dụng autoclave (nồi hấp) để lưu hoá.
 - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Nhật Bản- JIS K6323
 - Chung loại: tất cả các dây courroie qui cách thông thường, các loại dây SPZ, SPA, SPB, SPC, dây courroie răng, dây courroie dùng trong ngành ô tô, chiều dài: từ 500mm đến 1200mm

Ngoài ra còn có các loại dây đặc biệt dạng courroie như: dây trần bản loại trơn và loại có hình dáng

Dây Courroie các loại
1. Loại thông dụng (Classical V-belt)



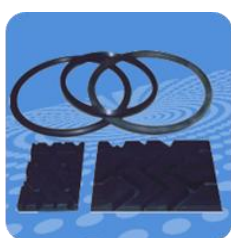
2. Loại mặt cắt hẹp (Narrow V-belt)



thiết kế theo yêu cầu khách hàng ...

Đặc điểm kỹ thuật: Lực kéo đứt cao, độ dẫn thấp; Chịu uốn và kháng mài mòn tốt; mỗi cỡ số đều đồng nhất về chiều dài và tiết diện.

- ❖ **Các sản phẩm cao su khác: Công ty còn có các sản phẩm phụ trợ sau**

**Các loại phụ tùng cao su:**

- Các loại gioăng cao su với các tính năng: chịu nhiệt, chịu hóa chất, chịu dầu, chịu đàn hồi, kháng bắt lửa...
- Cao su đệm các loại, cao su chống va đập dùng trong ngành công nghiệp xe hơi, cấp nước cầu đường, xây dựng và các ngành công nghiệp khác....
- Với nguyên liệu sử dụng: NR, BR, SBR, CR, Viton, Silicone, Neoprene, Nitril, Butyl, EPDM sản xuất theo quy cách và bản vẽ của khách hàng.

- ❖ **Hoạt động dịch vụ:** cung cấp dịch vụ và keo dán nổi đầu băng tải các loại như lõi vải, lõi thép, dán nguội, dán nóng....
- ❖ Hoạt động khai thác, gia công và kinh doanh mủ cao su: công ty đang thực hiện việc khai thác mủ cao su tại nông trường cao su tại Tây Ninh với diện tích 100 hecta, sản lượng cao su tự nhiên này là nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính cho nhà máy tại khu công nghiệp và cho bản thân hoạt động sản xuất của Công ty.

7.1.2. Doanh thu thuần sản phẩm dịch vụ qua các năm:

Cơ cấu doanh thu thuần từng loại sản phẩm của công ty được thể hiện trong bảng sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Quý II năm 2013	
		Giá trị	Tỷ	Giá trị	Tỷ	Giá trị	Tỷ
			trọng		trọng		trọng
1	Băng tải	93.223	56,04%	107.499	56,02%	58.055	52,48%
2	Dây courroie	16.385	9,85%	17.286	9,01%	8.072	7,30%
3	Các sản phẩm cao su kỹ thuật	15.191	9,13%	33.117	17,26%	11.660	10,54%
4	Khác	41.561	24,98%	33.982	17,71%	32.844	29,69%
TỔNG CỘNG		166.360	100%	191,885	100%	110.631	100%

Nguồn: Công Ty Cổ Phần Cao Su Bến Thành



Băng tải công nghiệp là sản phẩm chủ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của BERUBCO, sản phẩm này đóng góp trung bình trên 50% tổng doanh thu thuần của công ty. Năm 2011 dưới tác động chung của tình hình kinh tế khó khăn, tỷ trọng doanh thu thuần băng tải đạt 56,04%. Đầu năm 2012, thị trường bất động sản Việt Nam diễn biến theo chiều hướng xấu và đến cuối năm 2012 vẫn chưa có dấu hiệu khôi phục, các doanh nghiệp sản xuất xi măng tạm ngưng hoạt động hoặc giảm sản lượng sản xuất đã gây ra không ít khó khăn cho BERUBCO. Công ty đã duy trì tỷ trọng doanh thu thuần băng tải công nghiệp trong năm 2012 ở mức 56,02% tổng doanh thu thuần.

Trong bối cảnh đó, BERUBCO đã đẩy mạnh công tác sản xuất các sản phẩm thế mạnh còn lại của công ty như dây courroie, cao su kỹ thuật và một số sản phẩm khác để phục vụ khách hàng trong nước và xuất khẩu. Cụ thể, tỷ trọng doanh thu thuần sản phẩm dây courroie trong cơ cấu doanh thu thuần của công ty đã tăng từ 6,5% năm 2010 lên 9,85% trong năm 2011. Đến cuối năm 2012 doanh thu sản phẩm dây courroie của công ty đã đạt 9,01% trên tổng doanh thu thuần. Tỷ trọng doanh thu sản phẩm cao su kỹ thuật chiếm 9,13% năm 2011 và chiếm 17,26% trong năm 2012. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế BERUBCO vẫn đảm bảo được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty năm 2012 cao hơn năm 2011, tổng doanh thu thuần của công ty năm 2012 là 191.885 triệu đồng đạt 103,72% kế hoạch năm 2012.

7.1.3. Lợi nhuận gộp sản phẩm dịch vụ qua các năm

Cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty theo từng loại sản phẩm như sau:

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Quý II Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Băng tải	29.379	77,64%	25.386	66,70%	15.132	68,16%
2	Dây courroie	1.339	3,54%	2.175	5,71%	1.036	4,67%
3	Các sản phẩm cao su kỹ thuật	3.935	10,40%	6.742	17,71%	3.928	17,69%
4	Khác	3.186	8,42%	3.756	9,87%	2.107	9,49%
TỔNG CỘNG		37.839	100%	38.059	100%	22.203	100%

Nguồn: Công Ty Cổ Phần Cao Su Bến Thành



Lợi nhuận gộp từ băng tải công nghiệp chiếm tỷ trọng gần 70% trong cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty. Từ năm 2011 đến nay, tỷ trọng đóng góp vào lợi nhuận gộp của mặt hàng này có xu hướng sụt giảm. Năm 2011, tỷ trọng băng tải trong tổng lợi nhuận gộp của công ty giảm còn 77,64%. Sang năm 2012, những khó khăn từ thị trường bất động sản trong nước tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất của các công ty trong ngành công nghiệp xi măng, kéo theo nhu cầu sử dụng băng tải giảm mạnh. Năm 2012, tỷ trọng lợi nhuận gộp băng tải giảm còn 66,70% trên lợi nhuận gộp của toàn công ty.

Cơ cấu lợi nhuận gộp của sản phẩm cao su kỹ thuật trong tổng lợi nhuận gộp của công ty có xu hướng tăng từ năm 2011 đến nay. Cụ thể, tỷ trọng lợi nhuận gộp của mặt hàng này chiếm 10,40% trong năm 2011. Đến cuối năm 2012, tỷ trọng lợi nhuận gộp của các sản phẩm cao su kỹ thuật là 22,01% trên tổng lợi nhuận gộp của công ty.

Các sản phẩm còn lại cũng đóng góp không nhỏ vào lợi nhuận gộp của công ty. Tỷ trọng lợi nhuận gộp của dây courroie chiếm trung bình 3,3%, các sản phẩm khác đóng góp bình quân trên 10% lợi nhuận gộp của toàn công ty.

Nắm bắt được tình hình, BERUBCO luôn chú trọng công tác đầu tư phát triển sản phẩm mới, có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu khách hàng trong nước và quốc tế, đồng thời khẳng định thương hiệu BERUBCO.

7.2. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất băng tải của công ty bao gồm:

Chỉ tiêu	Nguyên vật liệu sản xuất băng tải	Tỷ trọng
Nguyên vật liệu chính	Cao su thiên nhiên	23,61%
	Cao su tổng hợp	30,29%
	Vải chịu lực	24,68%
Nguyên vật liệu phụ	Hóa chất, phụ gia	21,42%

Nguồn: Công ty cổ phần Cao su Bến Thành

7.2.1. Nguồn nguyên vật liệu:

Cao su thiên nhiên: là nguyên liệu chính trong quá trình sản xuất của BERUBCO. Hiện tại, các doanh nghiệp trong nước vẫn là đối tác cung cấp chính cho công ty. Việc lựa chọn các nhà cung cấp nội địa giúp BERUBCO đảm bảo nguồn cung ổn định, đồng thời còn giúp công ty chủ động giá cả, tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, việc phát triển vùng nguyên liệu luôn được công ty đặc biệt chú trọng.

Cao su tổng hợp: là nguyên liệu có những đặc tính tương tự cao su thiên nhiên được sản xuất từ dầu



thô. Hiện tại, cao su tổng hợp sử dụng trong sản xuất của BERUBCO được cung cấp bởi một số công ty trong nước và nước ngoài.

Vải chịu lực: là loại vải đặc biệt sử dụng để sản xuất trong băng tải được nhập chủ yếu từ nước ngoài. Nguồn cung cấp của Công ty là đối tác uy tín trong nước và nước ngoài, đảm bảo được chất lượng và số lượng ổn định qua các thời kỳ sản xuất.

Hóa chất phụ gia: trong quá trình sản xuất sản phẩm BERUBCO còn sử dụng thêm một số loại hóa chất phụ gia. Đây là loại nguyên vật liệu phụ được cung cấp từ các nhà cung cấp trong nước, chiếm tỷ lệ không đáng kể trong hoạt động sản xuất của công ty.

Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn của Công ty:

Nhà cung cấp	Sản phẩm
DNTN Duy Thịnh	Cao su tổng hợp
BST Elastomers Co, Ltd	Cao su tổng hợp
Công ty TNHH TM Bảo Tượng	Hoá chất
Nông trường cao su liên kết Phước Minh	Mủ cao su
Công ty TNHH MTV DV TM Khôi Nghi	Than đá
Daewoo International Corporation	Than đen
Cty TNHH Hoá Chất Kiều Thoại	Than, hoá chất, cao su tổng hợp
Shandong Helon Polytex Chemical Fibre Co., Ltd	Vải chịu lực

Nguồn: Công ty cổ phần Cao su Bến Thành

7.2.2. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Với mục tiêu mở rộng và chủ động hơn trong nguồn cung nguyên liệu, công ty đã hợp tác cùng Công ty TNHH MTV Cao su 30/04 Tây Ninh thành lập nông trường cao su liên kết Phước Minh để trồng và khai thác cao su trong những năm tiếp theo. Đồng thời, Công ty cũng liên kết với các công ty thuộc Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam và một số nhà cung cấp khác để luôn đảm bảo nguồn nguyên vật liệu cho sản xuất. Tập đoàn Công Nghiệp cao Su Việt Nam cũng là nhà đầu tư chiến lược của BERUBCO chiếm 15,4% cổ phần.

Là doanh nghiệp có uy tín và có thâm niên trong ngành, BERUBCO đã đang và sẽ tiếp tục xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp lớn, củng cố niềm tin với các đối tác cung ứng nguyên liệu này để đảm bảo tính ổn định về số lượng, chất lượng cũng như giá cả các nguyên vật liệu thiết yếu, phục vụ cho quá trình sản xuất các sản phẩm của công ty.

Vùng nguyên liệu của Công ty qua các năm:



STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Diện tích vườn cây (ha)	100	100	100	100	100	100
2	Diện tích khai thác (ha)	100	100	100	100	100	100
3	Năng suất khai thác (tấn/ha)	2,33	2,21	2,64	2,22	2,2	2,2
4	Sản lượng khai thác (tấn)	233	221	264	222	200	200
5	Vốn đầu tư (triệu đồng)	695	695	695	695	695	695

Nguồn: Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành

7.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Do nguyên liệu chủ yếu là cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải chịu lực nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên theo thực tế trong quá khứ, nếu tình trạng tăng giá nguyên liệu diễn ra thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra của sản phẩm, khi đó Công ty có thể tăng giá bán để bù đắp rủi ro tăng giá nguyên liệu

7.3. Chi phí sản xuất

Công tác quản lý tài chính tại Công ty được ban lãnh đạo hết sức chú trọng. Công tác quản trị tài chính, quản lý chi phí tốt là mục tiêu hướng đến lâu dài của công ty để có thể kiểm soát chi phí chặt chẽ và ít hao phí nhất.

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Quý II năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT
1	Giá vốn hàng bán	128.521	77,25	153.825	80,17	88.428	79,93
2	Chi phí tài chính	4.063	2,44	2.582	1,35	1.439	1,30
3	Chi phí bán hàng	17.154	10,31	15.444	8,05	9.940	8,98
4	Chi phí quản lý DN	7.953	4,78	8.320	4,34	3.423	3,09
5	Chi phí khác	17	0,01	13	0,01	351	0,32
TỔNG CỘNG		157.708	94,79	180.184	93,90	103.581	93,63

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Tổng chi phí của doanh nghiệp bao gồm chi phí giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng,



chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác chiếm tỷ lệ bình quân qua các năm là 92,3% so với doanh thu thuần.

Trong đó, tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần chiếm cao nhất, trung bình khoảng 80,5%. Giá vốn hàng bán thay đổi theo biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào gồm: cao su thiên nhiên và các nguyên vật liệu kèm theo khác như đã phân tích.

Đối với việc quản lý giá vốn hàng bán, để góp phần kiểm soát tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần được ổn định qua các năm, Công ty đã tận dụng vùng nguyên liệu thông qua nông trường liên kết 30/4, cung cấp khoảng 30% - 40% nhu cầu cao su hàng năm và khả năng ngày càng tăng trong tương lai.

Chi phí bán hàng chiếm trung bình 8,7% trên doanh thu thuần, tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần năm 2011 so với năm 2010 đã giảm nhẹ. Theo lộ trình phát triển trong tương lai, Công ty với sự thuận lợi từ việc tổ chức tốt và thương hiệu uy tín nên sẽ cố gắng giảm thiểu các chi phí bán hàng mà vẫn duy trì được thị phần của mình.

Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng giảm qua các năm, chiếm tỷ trọng trên doanh thu trung bình là 3,8%. Đầu năm 2012, lãi suất bắt đầu giảm tuy nhiên, chi phí lãi vay vẫn còn là một bài toán khó đối với doanh nghiệp.

7.4. Trình độ công nghệ

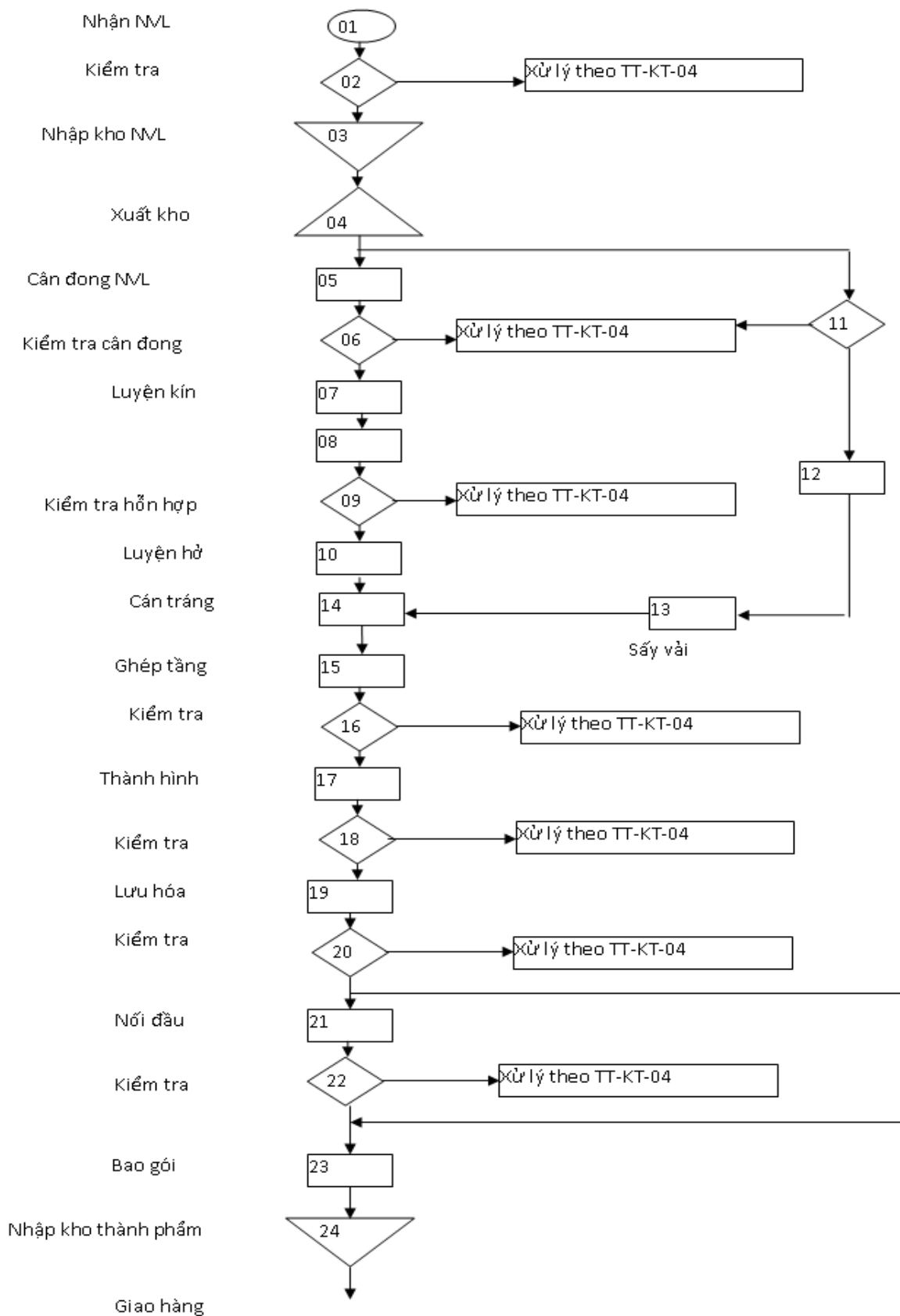
Với tiêu chí “Chất lượng và An toàn” luôn là mục tiêu hàng đầu, BERUBCO đã đầu tư nhiều vào công nghệ, thiết bị hiện đại, chuyên dụng, tích cực đưa công nghệ tiên tiến áp dụng vào lĩnh vực hoạt động chuyên môn. Cùng với đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề, chuyên nghiệp luôn đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả cao cho các sản phẩm, dịch vụ.

❖ Đối với sản phẩm băng tải :

Băng tải của công ty có chất lượng tốt, ổn định và ngày càng hoàn thiện hơn. Sản phẩm đã chiếm được thị phần lớn trong cả nước.

Với việc sử dụng thiết bị cán 4 trục hiện đại cho công đoạn cán tráng, công đoạn cán mặt đồng thời với công nghệ lưu hóa từng đoạn khi lưu hóa băng tải, sản phẩm của băng tải đảm bảo được chất lượng khi xuất xưởng. Băng tải của BERUBCO đã được công nhận đạt 3 loại tiêu chuẩn: Nhật Bản-JIS K6322, tiêu chuẩn Đức - DIN 22102 và tiêu chuẩn quốc tế ISO 10247.

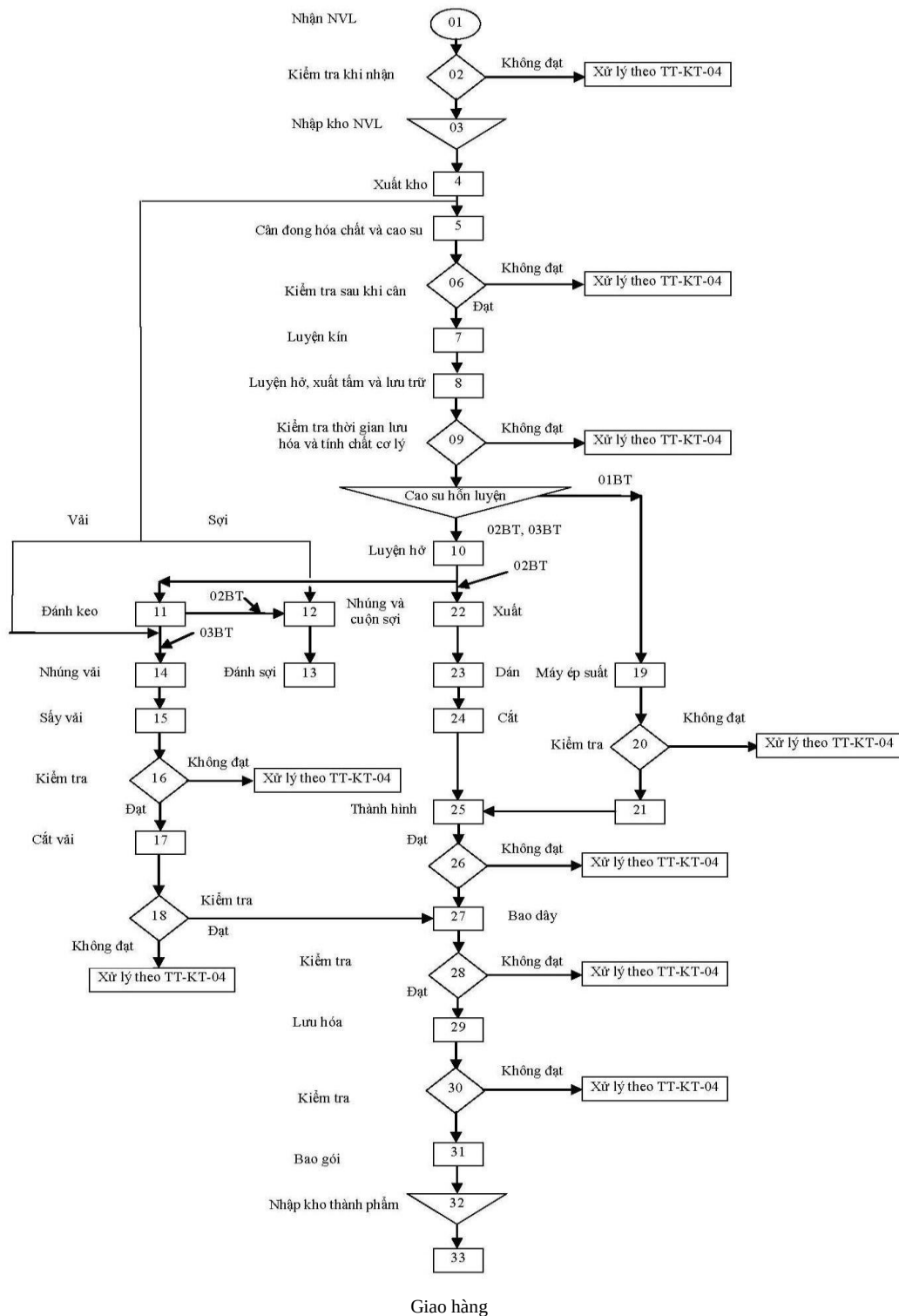
SƠ ĐỒ KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT BĂNG TẢI



❖ **Đối với courroie:**

Đặc điểm chính trong công nghệ được sử dụng để sản xuất là vải bao dây được nhúng cao su và sử dụng nồi hấp để lưu hoá. Sản phẩm làm ra đạt theo tiêu chuẩn Nhật Bản – JIS K63222.

SƠ ĐỒ KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT DÂY COURROIE



- ❖ Các loại Joints, seals...: đảm bảo được sử dụng hiệu quả với các tính năng chịu dầu, nhiệt, ma sát, kháng tĩnh điện, v v...

7.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế nói chung và của ngành cao su nói riêng, đặc biệt là sự cạnh tranh của các doanh nghiệp nước ngoài, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của công ty càng được chú trọng nhằm giữ vững thị phần cũng như khẳng định thương hiệu BERUBCO tại thị trường Việt Nam cũng như trên thế giới.

Sản phẩm băng tải của BERUBCO đã tạo được thương hiệu và uy tín đối với khách hàng, sản phẩm được sản xuất theo công nghệ tiên tiến và quy trình kiểm soát chặt chẽ, băng tải của BERUBCO được sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên, để phù hợp với bối cảnh nền kinh tế hiện tại, công ty đã hoạch định chiến lược nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo 2 hướng cụ thể như sau:

❖ Ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm:

Chất lượng luôn là mối quan tâm hàng đầu của công ty khi cung cấp sản phẩm cho khách hàng là doanh nghiệp và cá nhân. Công tác ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm của công ty trong năm qua chủ yếu tập trung vào các mảng:

- Ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm băng tải lõi vải nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa và hướng đến xuất khẩu.
- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm băng tải chịu nhiệt 180⁰C với yêu cầu kỹ thuật cao, ít nhà sản xuất trong nước làm được.
- Giữ vững chất lượng dây courroie để duy trì sản xuất lâu dài

Một số các ứng dụng thành công khác bên cạnh sản phẩm băng tải có thể kể đến như là:

- Keo nối đầu băng tải lõi thép cho chất lượng mỗi nối có độ bền và tính ổn định cao
- Cải tiến thiết bị nhúng vải từ quy trình nhúng 2 lần thành 1 lần mà vẫn đảm bảo thành phẩm làm ra đạt chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty cũng cải tiến đơn keo nhúng vải và keo dây tim. Các nghiên cứu này giúp tiết kiệm được nguyên liệu, thời gian sản xuất và giảm giá thành.

❖ Đa dạng hóa sản phẩm:

- Nghiên cứu các loại tấm cao su (Tapis) có bề dày từ 0.5mm-5mm trên máy Rootocure
- Đầu tư và hoàn thiện công nghệ sản xuất sản phẩm mới là băng tải lõi thép. BERUBCO sẽ trở thành doanh nghiệp đầu tiên cung cấp sản phẩm này trên thị trường Việt Nam
- Tiếp cận công nghệ sản xuất cả sản phẩm cao su kỹ thuật trong điều kiện thiết bị hiện có

**7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Tính đến thời điểm hiện tại, tất cả các công đoạn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của BERUBCO, từ các bộ phận quản lý, vật tư, sản xuất và bán hàng,... đều được áp dụng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Về chất lượng sản phẩm, công ty áp dụng tiêu chuẩn JIS K6322 – K6323 của Nhật Bản đảm bảo được quy cách cũng như độ bền cao cho từng sản phẩm.

Ngoài ra, nhằm phục vụ cho công tác đảm bảo chất lượng cũng như nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới BERUBCO đã xây dựng một hệ thống phòng thí nghiệm được trang bị máy móc và các thiết bị hiện đại cùng đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên nghiệp. Hệ thống này giúp công ty kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào đồng thời đảm bảo chất lượng cho từng sản phẩm đầu ra.

BERUBCO luôn ý thức về việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho cán bộ công nhân viên cũng như công tác bảo vệ môi trường chung cho toàn xã hội. Do đó, công ty đã đầu tư hệ thống quản lý môi trường, xử lý nguồn chất thải trong quá trình sản xuất.

Với những cố gắng vượt trội đó, các sản phẩm của công ty luôn được đánh giá chất lượng hàng đầu, BERUBCO trở thành thương hiệu uy tín trong ngành sản xuất băng tải cao su, được nhiều khách hàng tin nhiệm.

7.7. Hoạt động đầu tư tài chính*ĐVT: VNĐ*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Quý II năm 2013
1	Đầu tư ngắn hạn	3.668.041.667	4.190.126.264	4.190.126.264
	Tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	3.668.041.667	4.190.126.264	4.190.126.264
2	Đầu tư dài hạn	8.660.246.666	9.860.246.666	9.860.246.666
	Đầu tư vào công ty liên kết	260.246.666	1.460.246.666	1.460.246.666
	Đầu tư dài hạn khác	8.400.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Các khoản đầu tư ngắn hạn của công ty bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng. Các khoản đầu tư dài hạn của công ty bao gồm 695 triệu liên kết với Công ty TNHH Một thành viên Cao Su 30 – 4 Tây Ninh thành lập nông trường liên kết Phước Minh và 8,4 tỷ đầu tư vào cổ phần của công ty cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Đông Dương. Việc công ty mở rộng đầu tư, thành lập nông trường liên kết đã giúp công ty chủ động hơn trong giá cả cũng như nguồn cung vật liệu đầu vào và góp phần giảm thiểu chi phí đầu vào cho công ty.

Từ đầu năm 2012 đến nay, công ty chưa thực hiện việc đầu tư thêm máy móc trang thiết bị. Tuy nhiên, để nâng cao sản lượng cũng như cải tiến chất lượng sản phẩm, BERUBCO tiến hành thực hiện



đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm huy động vốn thực hiện dự án dây chuyền công nghệ băng tải lõi thép trong năm 2013. Sau khi hoàn thành dự án, BERUBCO sẽ là doanh nghiệp đầu tiên trong nước có khả năng sản xuất băng tải lõi thép đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

7.8. Hoạt động Marketing

Với thương hiệu BERUBCO hiện tại, công ty vẫn không ngừng đẩy mạnh hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường trong nước, mở rộng và thúc đẩy các mảng dịch vụ và thương mại.

Công ty tham gia đầy đủ các hội chợ lớn trong nước như: Hội chợ hàng VN chất lượng cao, hội chợ ngành nhựa và cao su, hội chợ Giảng Võ Hà Nội, Hội chợ hàng Công nghiệp VN... Đồng thời tích cực tham gia các triển lãm khu vực như: triển lãm phát triển thương mại Quốc tế ở Hồng Kong, Campuchia...

Các hoạt động marketing do phòng kinh doanh của công ty phụ trách có những hoạt động thường xuyên như:

- Liên hệ gửi Catalog, chào hàng mẫu đến từng công ty, từng khách hàng qua các phương tiện thông tin và gặp trực tiếp ở khắp các tỉnh thành trong và ngoài nước.
- Quảng cáo sản phẩm trên Báo, đài thông qua các chương trình giới thiệu Sản phẩm và Doanh nghiệp uy tín.
- Thông qua các tham tán thương mại VN ở nước ngoài để đưa sản phẩm đến với khách hàng quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu.

Hệ thống phân phối:

Công ty có văn phòng đại diện tại Hà Nội có nhiệm vụ tiếp thị, quảng bá sản phẩm của công ty đến các khách hàng từ miền Trung ra đến miền Bắc và cung cấp các dịch vụ tư vấn, sửa chữa, nối đầu cho sản phẩm băng tải.

Hoạt động xây dựng thương hiệu:

Với hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất băng tải, dây courroie, các sản phẩm cao su kỹ thuật, thương hiệu BERUBCO đã trở nên quen thuộc với hầu hết các ngành công nghiệp tại Việt Nam và được bộ công nghiệp xếp hạng là sản phẩm chất lượng loại 1.

Riêng dây courroie:

BERUBCO là nhà sản xuất duy nhất tại Việt Nam, chiến lược của BERUBCO hiện nay chủ yếu tập trung vào kênh sản phẩm chất lượng cao tương đương dây của Thái Lan, Nhật Bản (Bando, Missubisi), trong thời gian tới Công ty sẽ cho ra sản phẩm dây courroie đặc biệt ngang với dây của Đức và tạo dựng sản phẩm courroie mang thương hiệu Việt.

**7.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:**

Nhãn hiệu thương mại	:	BERUBCO
Logo Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành	:	
Thời gian bảo hộ	:	10 năm
Giấy phép	:	65621
Ngày cấp	:	16/11/2001
Cơ quan cấp	:	Cục sở hữu trí tuệ

7.10. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn đã được ký kết

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Ngày ký	Số hợp đồng	Đối tác	Tên hàng	Giá trị	Thời gian HĐ	Tình trạng HĐ
1	02/08/2012	126/2012/HĐ-SD9-BT	CTCP Sông Đà 5	Băng tải cao su nghiêng	1.452.684.200	20 ngày	Đã thanh lý
2	04/05/2012	3687/HĐMB-KH-TTN	Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất	Băng tải cao su chống cháy	1.977.200.000	45 ngày	Đã thanh lý
3	04/05/2012	3688/HĐMB-KH-TTN	Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất	Băng tải cao su chống cháy	1.445.000.000	45 ngày	Đã thanh lý
4	18/07/2012	220/12-CCVT	CTCP Xi Măng Hà Tiên 1	Băng tải cao su tron	2.241.250.000	10 ngày	Đã thanh lý
5	21/05/2012	191/CSBT-HĐKTt-2012	TT Chuyển giao CNM - TT NĐ Việt Nga	Băng tải cao su tron dày	695.520.242	20 ngày	Đã thanh lý
6	23/04/2012	176/CSBT-HĐKTt-2012	Cty TNHH CK DV KT Vạn Hưng	Băng tải cao su tron, biên đúc	665.940.000	10 ngày	Đã thanh lý
7	20/06/2012	94B/XMBS-VT	CTCP Xi măng Bỉm Sơn	Băng tải cao su	819.858.600	40 ngày	Đã thanh lý
8	03/05/2012	74/XMHM-KH.2012	CTCP XM Hoàng Mai	Băng tải cao su	671.704.000	15 ngày	Đã thanh lý
9	23/06/2012	2911/HĐ-TKC	Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm	Băng tải cao su	801.000.000	15 ngày	Đã thanh lý
10	17/05/2012	2288/HĐ-TKC	Cty TNHH MTV Than Khe Chàm	Băng tải cao su	811.000.000	15 ngày	Đã thanh lý

Nguồn: Công ty cổ phần Cao su Bến Thành



Các hợp đồng lớn đang thực hiện

ST T	Ngày ký	Số hợp đồng	Đối tác	Tên hàng	Giá trị	Thời gian HĐ	Tình trạng HĐ
1	19/09/2012	95/2012/HĐ-NMTN-KHVT	Nhà máy Đường Biên Hòa-Tây Ninh	Băng tải cao su và nổi đầu băng tải	40.524.000	07 ngày	Đang thực hiện
2	1/10/2013	10/2013/HĐ-NMTN-KHVT	Nhà máy Đường Biên Hòa-Tây Ninh	Băng tải cao su	22.908.600	02 ngày	Đang thực hiện
3	1/07/2013	03/CSBT-HĐKT-2013	Cty CP Tân Đại Lợi	Băng tải cao su	375.661.000	10 ngày	Đang thực hiện
4	18/01/2013	CFC-13-081	Cty XM Chinfon	Băng tải cao su	911.176.000	15 ngày	Đang thực hiện
5	22/01/2013	018/13-CCVT	Nhà máy XM Kiên Lương	Băng tải cao su chịu nhiệt 220 độ C	578.952.000	10 ngày	Đang thực hiện
6	24/01/2013	17/CSBT-HĐKT-2013	Cty XM Hà Tiên Kiên Giang-Becamex	Băng tải cao su tron	93.499.945	15 ngày	Đang thực hiện
7	26/12/2012	5731/HĐ-TKC	Cty TNHH MTV Than Khe Chàm	Băng tải cao su	408.000.000	15 ngày	Đang thực hiện
8	23/12/2012	314/CSBT-HĐKT-2012	Cty TNHH MTV Cơ khí Kiên Giang	Băng tải cao su	643.566.000	10 ngày	Đang thực hiện
9	18/01/2013	08/HĐKT-2013/BTMP	CN Cty CP KD-PT Bình Dương	Băng tải cao su	40.425.000	04 ngày	Đang thực hiện
10	14/01/2013	04/2013/HĐKT	Cty CP XM Sông Thao	Băng tải cao su	216.821.000	20 ngày	Đang thực hiện
11	01/09/2013	01/BT/2013	Cty CP Khoáng sản & Đầu tư Khánh Hòa	Băng tải cao su	195.646.000	10 ngày	Đang thực hiện

Nguồn: Công ty cổ phần Cao su Bến Thành

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% Tăng giảm	Quý II 2013
1	Tổng giá trị tài sản	181.825	225.870	24%	204.199
2	Vốn điều lệ	82.499	82.499	0%	82.499
3	Doanh thu thuần	166.361	191.885	15%	110.631
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.569	16.839	2%	8.392
5	Lợi nhuận khác	(2,915)	1.789	-	(171)
6	Lợi nhuận trước thuế	16.566	18.628	12%	8.222
7	Lợi nhuận sau thuế	14.108	16.311	16%	6.166
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	47%	50%	-	-
9	Tỷ lệ cổ tức /vốn điều lệ (*)	8%	10%	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

(*) Ngày 28/11/2011 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành đã ra quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu của công ty với tỷ lệ bằng 8% mệnh giá. Việc chi trả cổ tức năm 2012 chưa được thực hiện.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của công ty trong năm:

8.2.1. Thuận lợi:

- Việt Nam là quốc gia có khí hậu phù hợp, nhân công rẻ và dồi dào thích hợp với sự phát triển của ngành cao su. BERUBCO cũng đồng thời là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam nhận được rất nhiều hỗ trợ từ Tập đoàn và các công ty thành viên.
- Nhu cầu về sản xuất công nghiệp lớn, kéo theo nhu cầu về băng tải và các sản phẩm cao su tăng mạnh vì đây là công cụ đầu vào không thể thay thế cho các ngành khai thác than, khoáng sản, ngành sản xuất xi măng, ngành cơ khí chế tạo máy,...đây là các ngành sản xuất công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam. Với tốc độ tăng trưởng bình quân từ 25% - 30% mỗi

năm, công ty tin tưởng sẽ duy trì và phát triển tốt thị phần tiêu thụ trong tương lai.

- Với hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất cao su, BERUBCO đã có được uy tín và mối quan hệ với các nhà máy công nghiệp nặng từ lớn đến nhỏ. Đồng thời, việc thâm nhập thị trường sớm từ những năm 2002, đến nay công ty đã thiết lập được một nhóm khách hàng thân thiết, đảm bảo được doanh số và lợi nhuận ổn định trong giai đoạn nền kinh tế bảo hoà.
- Sản phẩm của BERUBCO có đầy đủ các tiêu chí tối ưu có thể cạnh tranh với các thương hiệu khác như: chất lượng tương đương băng tải Nhật Bản, giá cả rẻ, thời gian giao hàng nhanh, có chế độ tư vấn, bảo hành, hậu mãi tốt. BERUBCO tin tưởng sẽ phát triển thành nhà sản xuất băng tải hàng đầu về chất lượng và số lượng tại Việt Nam và trong khu vực.
- Ngành cao su là ngành công nghiệp được nhà nước quan tâm, trong thời điểm khó khăn của cuộc khủng hoảng, BERUBCO đã nhận được sự hỗ trợ tích cực của chính phủ và TP. HCM từ các chính sách giãn thuế, giảm thuế TNDN, được vay ưu đãi kích cầu đã tạo điều kiện tốt cho công ty có vốn kinh doanh, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, cơ cấu lại bộ phận để tạo hiệu quả khi nền kinh tế trở về quỹ đạo tăng trưởng.
- Bên cạnh đó, trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu ngành sản xuất cao su kỹ thuật có một lợi thế rất đáng xem xét đó là sự chênh lệch giữa giá mua nguyên vật liệu đầu vào và giá bán thành phẩm. Với giá xuất cao su nguyên liệu chỉ vào khoảng 50.000 đồng/kg đến 55.000 đồng/kg, trong khi sản xuất băng tải có thể lên trên 400.000 đồng/kg, đặc biệt với các loại băng tải chuyên dùng trong môi trường khắc nghiệt, giá dao động từ 3 triệu đến 4 triệu đồng/kg.
- Phương án tăng vốn điều lệ công ty thực hiện năm 2008 thu hút được một lượng vốn đáp ứng được kịp thời cho hoạt động đầu tư mở rộng và ứng phó với các biến động của thị trường.
- Nhận định trước những khó khăn trong từng giai đoạn, Ban Lãnh Đạo đã đề ra nhiều chính sách về tư vấn, bán hàng, hậu mãi...trong từng thời điểm cụ thể nhằm hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
- Đội ngũ cán bộ tại công ty là những người trẻ, năng động, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của công ty, đồng thuận cao với các chủ trương của công ty, luôn nỗ lực và cố gắng không ngừng vì mục tiêu chung.

8.2.2. Khó khăn

Bên cạnh những mặt thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không thể tránh khỏi những khó khăn của nền kinh tế nói chung và các thách thức đặc thù của ngành nói riêng.

- Đầu tiên phải kể đến là những tác động tiêu cực sau cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài, kết thúc năm 2011 nền kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt. Trong nước, chính phủ áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng cao kỷ lục. Đầu năm 2012, lãi suất đã được điều chỉnh giảm còn trong khoảng 13,5% đến 15% tuy đây chưa phải là mức lãi suất thuận lợi nhưng tiếp cận được nguồn vốn này không phải là một điều dễ dàng cho các doanh nghiệp trong đó có BERUBCO.
- Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào, Việt Nam được đánh giá là nước có thế mạnh trong ngành công nghiệp cao su. Tuy nhiên, ngành này vẫn còn chịu nhiều tác động của những điều kiện khách quan như thời tiết, thiên tai,... Bên cạnh đó, giá cao su trong nước vẫn còn chịu ảnh hưởng lớn từ giá thế giới. Do đó, rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào luôn là mối quan tâm của công ty.
- Cạnh tranh với sản phẩm của nước ngoài, BERUBCO được đánh giá là thương hiệu hàng đầu về chất lượng tại Việt Nam và tạo được lòng tin cho khách hàng trong nước lẫn Quốc Tế. Tuy nhiên, tình trạng sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh nước ngoài tràn lan với chất lượng kém nhưng giá cả lại rẻ hơn rất nhiều là một mối lo ngại của công ty. Trong bối cảnh đó, BERUBCO nói riêng và các doanh nghiệp nói chung cần được sự hỗ trợ của chính phủ nhiều hơn để bảo vệ uy tín, chất lượng và thị phần của ngành trong nước.
- Một vấn đề khác cần phải kể đến là thị trường bất động sản Việt Nam đang trong giai đoạn khó khăn, kéo theo sự bão hòa của ngành công nghiệp xây dựng. Khách hàng của BERUBCO là các công ty trong ngành công nghiệp sản xuất xi măng. Tình thế khó khăn của những công ty trong ngành này cũng đã gây ra tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BERUBCO

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

So với các doanh nghiệp trong ngành cao su niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì quy mô của BERUBCO tương đối nhỏ. Với diện tích khai thác không lớn, khoảng 100 hecta của Nông trường cao Su Phước Minh, nhưng hằng năm nông trường cũng đã cung cấp 30% - 40% nhu cầu nguyên vật liệu của công ty. Tuy nhiên, lợi nhuận mang lại từ việc trồng và khai thác cao su thiên nhiên của công ty chưa đáng kể. Xác định, thế mạnh của

công ty không phải là khai thác và sản xuất cao su thiên, công ty tập trung chú trọng việc đầu tư đổi mới thiết bị sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, khẳng định thương hiệu BERUBCO.

Nếu chỉ tính riêng thị trường băng tải công nghiệp tại Việt Nam, BERUBCO là doanh nghiệp chiếm thị phần lớn, có năng lực cạnh tranh về chất lượng và giá cả sản phẩm. BERUBCO hiện là thương hiệu sản xuất băng tải số 1, chiếm thị phần lớn nhất tại Việt Nam với tăng trưởng doanh thu hàng năm bình quân 20-30%. Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn tiên tiến nhất của Nhật Bản JIS K6322, 6323 và quy trình sản xuất được quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001-2008 và đã được thị trường Mỹ, Singapore, Indonesia, Campuchia ... chấp nhận.

Băng tải của BERUBCO hiện chiếm 40% thị phần cả nước và có mặt ở 90% các công ty sản xuất công nghiệp lớn ở Việt Nam trong các ngành than, xi măng, phân bón ... Năng lực sản xuất băng tải công nghiệp của BERUBCO hiện nay là 200.000 m²/năm. Công ty đang có kế hoạch xây dựng nhà máy băng tải lõi thép, trong tương lai gần sẽ trở thành nhà sản xuất băng tải lõi thép đầu tiên của Việt Nam. Bên cạnh đó là việc sở hữu khoảng 100 ha rừng cao su giúp công ty chủ động được lượng nguyên liệu đầu vào, mang lại hiệu quả cho sản xuất kinh doanh mỗi năm.

Về dây courroie: năng lực sản xuất là 12,5 triệu inch/tháng, xét đến nhu cầu của thị trường hiện nay thì con số này còn rất khiêm tốn. Vì vậy, công ty đã và đang triển khai mạnh sản phẩm này từ chất lượng đến số lượng và sẽ đầu tư mở rộng để chiếm lĩnh thị trường.

Về xuất khẩu các sản phẩm của công ty: có rất nhiều khách hàng Châu Phi trước đây nhập hàng từ Trung Quốc đã đến và muốn chuyển sang nhập khẩu của Việt Nam. Nhu cầu của họ quá lớn gấp nhiều lần năng suất hiện tại nên công ty còn cân nhắc vì ưu tiên đáp ứng thị trường trong nước trong khi chưa kịp đầu tư thêm thiết bị.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong toàn cảnh nền kinh tế thế giới vừa khôi phục lại sau cuộc khủng hoảng lớn, các ngành công nghiệp đang có chiều hướng phát triển mạnh, đặc biệt là ngành khai thác khoáng sản, sản xuất xi măng, ngành xây dựng, ngành vận tải... Nhu cầu về sản phẩm băng tải, cao su kỹ thuật dùng trong xây dựng (ron kính, cao su giảm chấn...), vận tải (các chi tiết cao su trong phương tiện vận chuyển) rất nhiều và phần lớn được nhập từ các nước đang phát triển.

Với đặc điểm khí hậu thích hợp với cây cao su, Việt Nam hiện là nước có sản lượng cao su đứng vị trí thứ 5 trên thế giới sau Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Ấn Độ. Theo số liệu của tổng cục thống kê và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ năm 2000 đến 2011 diện tích cao su và sản lượng cao su tại Việt Nam không ngừng gia tăng, năng suất mủ cao su của Việt Nam cao hơn mức trung bình

toàn cầu là 1,14 tấn/ha. Việt Nam cũng đồng thời là nước có năng suất cao nhất trong số các nước sản xuất cao su tự nhiên lớn trên thế giới. Hiện tại chính phủ đang có chính sách mở rộng diện tích trồng cao su nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước cũng như nhu cầu xuất khẩu đang ngày một gia tăng. Mục tiêu đến năm 2015 của chính phủ là có 200.000 ha cao su được trồng tại Lào và Campuchia. Với các ưu thế vượt trội về điều kiện tự nhiên cũng như sự quan tâm tạo điều kiện thích hợp của chính phủ, ngành công nghiệp cao su trong nước được dự báo sẽ không ngừng phát triển theo hướng tích cực.

Năm 2012, nền kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi, tạo thuận lợi cho việc xuất khẩu cao su nguyên liệu và sản phẩm. Theo Tổ chức nghiên cứu cao su quốc tế (IRSG), từ năm 2010, nhu cầu cao su thiên nhiên sẽ tăng trưởng liên tục đến 2019. Như vậy, mục tiêu đến năm 2015, cả nước sẽ có 800.000 ha cao su và sản lượng mủ đạt 1,2 triệu tấn. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu có thể sẽ đạt được 2 tỷ USD.

Căn cứ theo tốc độ phát triển công nghiệp khai thác và chế biến than tăng trên 30% đến 2015 và chuyển đổi 100% công nghệ từ lao động chân tay sang hiện đại hóa, với tốc độ này cần 100.000 m² băng tải/năm. Đối với ngành xi măng tốc độ phát triển trung bình hàng năm là 9%, đến 2015 sản lượng trung bình đạt 76 triệu tấn/năm. Để sản xuất được lượng xi măng này cần phải sử dụng trên 100.000 m² băng tải. Như vậy chỉ tính riêng cho 2 ngành trên thì lượng nhu cầu sử dụng băng tải đã lên đến 200.000 m²/năm. Ngoài ra một số ngành nghề khác như: Phân bón, khai thác đá, chế biến gạo, chế biến nông sản ... cũng cần một lượng băng tải không nhỏ. Điều này cho thấy triển vọng phát triển ngành công nghiệp sản xuất băng tải sẽ còn phát triển mạnh trong tương lai.

Trong bối cảnh đó, việc BERUBCO chú trọng đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao sản lượng cho các sản phẩm của công ty là phù hợp với đà phát triển của ngành nói chung và mục tiêu phát triển công ty nói riêng.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế thế giới, các ngành công nghiệp sẽ không ngừng phát triển trong đó phải kể đến ngành công nghiệp cao su. Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm phục vụ cho ngành công nghiệp trong nước cũng như thế giới theo đó sẽ gia tăng trở lại. Với các chiến lược phát triển mà công ty đã hoạch định có thể thấy công ty đã có những định hướng phù hợp với sự phát triển của ngành cũng như nền kinh tế. Việc đẩy mạnh công tác đầu tư vào dự án sản xuất băng tải lõi thép sẽ giúp công ty tận dụng được lợi thế dẫn đầu vì hiện tại chưa có doanh nghiệp nào có thể sản xuất loại sản phẩm này trong nước, đồng thời cũng nâng tính cạnh tranh của sản phẩm công ty với

sản phẩm của các nhà sản xuất nước ngoài.

Bên cạnh đó, ngành công nghiệp cao su là một ngành được nhà nước Việt Nam hết sức quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành nói chung và các công ty hoạt động trong ngành nói riêng. Với chủ trương mở rộng diện tích canh tác cao su sang các tỉnh vùng núi phía Bắc và cả các nước láng giềng như Lào, Campuchia,... sẽ nâng cao sản lượng cao su thiên nhiên đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho các doanh nghiệp sản xuất cao su trong nước trong đó có BERUBCO.

Với các chiến lược được đề ra cùng với tiềm lực của công ty, trong ngắn hạn cũng như dài hạn, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sẽ có rất nhiều thuận lợi và tiềm năng phát triển của công ty còn được mở rộng

10. Chính sách đối với người lao động:

❖ Số lượng người lao động trong công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	146	100%
Đại học	22	15%
Cao đẳng	6	4%
Trung cấp	4	3%
Cấp 3	39	27%
Cấp 2	75	51%
Theo loại hợp đồng	146	100%
Không xác định thời hạn	75	51%
Xác định thời hạn	70	48%
Thời vụ	1	1%
Theo giới tính	146	100%
Nam	126	86%
Nữ	20	14%
Theo tính chất lao động	146	100%
Trực tiếp sản xuất	105	72%
Không trực tiếp sản xuất	41	28%

Nguồn: Công Ty Cổ Phần Cao Su Bến Thành

BERUBCO luôn xem sự đóng góp của nhân viên là tài sản lớn nhất cho Công ty. Vì vậy, Công ty luôn đảm bảo thu nhập phù hợp. Cán bộ Công nhân viên của công ty được hưởng các chính sách sau:

Chính sách tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của BERUBCO là thu hút người lao động có năng lực làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chí chọn lựa riêng, tuy nhiên tất cả các ứng viên đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản, có trình độ chuyên môn cơ bản, nhiệt tình và yêu thích công việc, có tính chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo,... với các vị trí cao hơn, yêu cầu đối với các ứng viên cũng nghiêm ngặt hơn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc cũng như các kỹ năng khác.

Chính sách đào tạo:

Để chuẩn bị nguồn nhân lực cho các chức danh kế thừa, công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, qui hoạch cán bộ. Từ năm 2008 đến nay, công ty đã cử 05 cán bộ tham gia lớp Giám Đốc Điều Hành Chuyên Nghiệp (CEO), cử một lãnh đạo phòng kế toán tham gia lớp Giám Đốc Tài Chính Chuyên Nghiệp (CFO). Năm 2009, công ty tiếp tục cử 02 cán bộ theo học lớp Giám Đốc Kinh Doanh Chuyên Nghiệp (CCO), 01 cán bộ học lớp Giám Đốc Sản Xuất Chuyên Nghiệp (PPD) do trường Doanh Nhân PACE tổ chức huấn luyện. Cử 01 cán bộ lãnh đạo tham gia lớp đào tạo cao cấp chính trị do Thành Ủy tổ chức, 01 cán bộ học lớp quản lý cấp trung; Tạo điều kiện thuận lợi cho 03 cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn (từ cao đẳng lên đại học, từ đại học lên cao học); 02 cán bộ học lớp quản trị marketing; 07 công nhân học lớp tổ trưởng sản xuất và quản đốc phân xưởng, cùng các khóa huấn luyện đào tạo chuyên môn khác... nhằm nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty và tạo sức cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập

Chính sách lương:

Công ty xây dựng và ban hành Quy chế Tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch Lao động - Tiền lương hàng năm trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh gắn với các mục tiêu chính: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận.

Công ty trả lương cho Người lao động theo kết quả và hiệu quả công việc, sử dụng tiền lương làm động lực để kích thích Người lao động tích cực làm việc, hoàn thành tốt số lượng, chất lượng công việc được giao, tăng năng suất lao động, gia tăng sản lượng và thị phần, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty

Chính sách khen thưởng, phúc lợi:

Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định mức trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi trên cơ sở kết

quả sản xuất kinh doanh hàng năm. Quỹ khen thưởng được sử dụng để thưởng trực tiếp cho các tập thể và cá nhân Người lao động có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua, hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

Quỹ phúc lợi được chi theo Thỏa ước Lao động tập thể với các chính sách khuyến khích, động viên Người lao động gắn bó, tâm huyết với doanh nghiệp. Ngoài ra, mỗi năm, Công ty còn tổ chức các chuyến nghỉ mát, sinh hoạt tập thể cho nhân viên toàn thể Công ty, tổ chức ngày quốc tế thiếu nhi, lễ hội trung thu, khen thưởng học sinh giỏi, xuất sắc, trao học bổng cho con em học giỏi có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân ngày các ngày lễ, Tết ...

Chính sách khác:

Công ty nghiêm túc thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho Người lao động theo qui định của Nhà nước.

Các khoản phụ cấp: Phụ cấp ăn trưa, phụ cấp đi lại, phụ cấp trang phục

Công ty cũng luôn chú trọng đến công tác An toàn lao động, bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, vệ sinh môi trường, sức khỏe cho người lao động. Tại các đơn vị đều có Hội đồng bảo hộ lao động, mạng lưới an toàn vệ sinh lao động. Công ty thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám chữa bệnh nghề nghiệp cho lao động trực tiếp... Công ty đã thực hiện đầy đủ các qui định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ vì vậy luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, hàng hóa, tài sản và môi trường.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật, mức cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

- Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.

Tình hình chia cổ tức của Công ty qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012*	KH 2013	KH 2014
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	8%	8%	10%	7%	9%
Hình thức	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt

Nguồn: Công Ty Cổ Phần Cao su Bến Thành

(*) Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2012.

12. Tình hình tài chính

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

❖ Giải trình liên quan đến lưu ý của Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Báo cáo kiểm toán năm 2011 như sau:

Năm 2011, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ trong giai đoạn trước khi chuyển sang Công ty cổ phần như một khoản phải thu nhà nước chờ ý kiến xử lý với số tiền 5.970.216.154 VNĐ. Đây được xem là một khoản làm giảm vốn nhà nước của Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn tại Công ty Cao Su Bến Thành.

Sau khi xem xét, Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM (UBND) đã có ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 432/TB-VP ngày 27/07/2010 và 4339/UBND-CNN ngày 01/09/2010, theo đó UBND chấp thuận xử lý giảm vốn nhà nước của Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn tại Công ty Cổ phần cao Su Bến Thành với tổng số tiền được xác định là 7.216.328.237 VNĐ.

Ngày 04/08/2011 các cơ quan có thẩm quyền đã ký biên bản xác định phần vốn nhà nước tại công ty Cao Su Bến Thành, và kết luận: Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn phải góp thêm là 2.162.711.778 VNĐ để đảm bảo tỷ lệ 25% vốn điều lệ của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành.

Ngày 31/05/2012, UBND có công văn số 2525/UBND-CNN về việc đồng ý và giữ nguyên quy mô và cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành, phần vốn nhà nước còn thiếu là 2.161.771.778 VNĐ sẽ được Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn sử dụng lợi nhuận chia cho vốn nhà nước năm 2009 để góp đủ.

Căn cứ vòng văn 2525/UBND-CNN, ngày 03/08/2012 Chi cục tài chính doanh nghiệp đã có công văn số 488/TCĐN-CN gửi đến Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn với ý kiến hướng dẫn hạch toán xử lý phần vốn nhà nước nói trên như sau: Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn hạch toán giảm phần lợi nhuận chia cho vốn nhà nước năm 2009 của Tổng công ty; tăng khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành với tổng giá trị là 2.162.711.778 VNĐ.

Theo đó, sau khi Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn góp đủ 2.162.771.778 VNĐ thì các ý kiến loại trừ của đơn vị kiểm toán sẽ được làm rõ, đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông. Về phía Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn, ngày 15/07/2013, Tổng công ty đã có công văn số 582/CNS_TCKT cam kết sẽ góp đủ phần vốn nêu trên ngay sau khi UBND quyết định giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển thể của Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành.

Các văn bản và tài liệu liên quan được đính kèm trong Bản cáo bạch.

**12.1. Các chỉ tiêu cơ bản****❖ Báo cáo về vốn điều lệ:***ĐVT: VNĐ*

STT	Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Vốn điều lệ
1	GCN ĐKKD đăng ký lần đầu số: 4103006483	20/04/2007	40.000.000.000
2	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 2 số: 4103006483	28/03/2009	75.000.000.000
3	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 4 số: 0301150295	30/08/2010	82.499.980.000

Nguồn: CTCP Cao Su Bến Thành

Từ khi thành lập đến nay, BERUBCO đã trải qua hai lần thay đổi vốn điều lệ. Ngày 21/11/2007 Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lần thứ nhất với tổng giá trị đợt phát hành là 35 tỷ đồng nâng vốn điều lệ của công ty lên 75 tỷ đồng. Năm 2010, từ nguồn thặng dư của công ty, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng nâng vốn điều lệ của công ty lên 82,5 tỷ đồng. Vốn điều lệ được công ty sử dụng vào đầu tư tài sản và một phần dùng làm vốn lưu động cho công ty.

❖ Báo cáo tình hình vốn kinh doanh:*ĐVT: VNĐ*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Quý II năm 2013
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.499.980.000	82.499.980.000	82.499.980.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	23.140.020.000	23.140.020.000	23.140.020.000
3	Quỹ đầu tư phát triển	8.939.655.402	12.856.617.832	15.596.308.058
4	Lợi nhuận chưa phân phối	6.748.567.943	16.920.697.618	7.247.243.909

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối (nguồn quỹ dự phòng tài chính công ty

không dùng để kinh doanh mà để dự phòng tài chính). Năm 2012, BERUBCO đã đầu tư thực hiện công trình nghiên cứu sản xuất compound phục vụ cho khách hàng nước ngoài của công ty. Trong năm 2013, BERUBCO sẽ kết hợp cùng Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn và Tổng công ty Cao su Đồng Nai tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất chỉ sợi cao su.

❖ **Trích khấu hao TSCĐ:**

• **Đối với tài sản cố định hữu hình:**

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, bằng giá trị xác định lại khi xác định giá trị doanh nghiệp chia cho thời gian hữu dụng ước tính của đơn vị. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	15- 30 năm
Máy móc thiết bị	12 năm
Phương tiện vận tải	10 - 12 năm
Thiết bị quản lý	05 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình	10 năm

• **Đối với tài sản cố định vô hình:**

Giá trị thương hiệu Elephant được khấu hao trong 10 năm

❖ **Mức lương bình quân:**

Mức thu nhập bình quân đầu người của lao động làm việc tại công ty năm 2011 đạt 5.500.000 đồng/người/tháng. Mức thu nhập này khá cạnh tranh so với các công ty tại Khu Công nghiệp. Tính đến cuối năm 2012 mức lương bình quân của người lao động làm việc tại công ty là 6.550.000 đồng/người/tháng

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011 và 2012 Công ty đã hoàn thành việc thanh toán các khoản nợ, vay đầy đủ, đúng hạn cho các định chế tài chính. Khoản nợ dài hạn đến hạn trả có giá trị 2.099.649.852 đồng là khoản nợ vay mua máy lưu hóa băng tải sẽ được chi trả trong năm 2013.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định:

Tình hình nghĩa vụ đối với nhà nước

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Số dư 31/12/2011	Số dư 31/12/2012	Số dư 30/06/2013
1	Thuế GTGT	2.560.000	746.175.052	153.936.470
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.439.156.991	3.567.190.725	1.088.190.924
5	Thuế thu nhập cá nhân	239.541.936	122.117.581	70.826.251
6	Thuế đất	26.053.200	-	-
Tổng cộng		2.707.312.127	4.435.483.358	1.312.953.645

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước và cơ quan thuế. Công ty thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ theo luật định. Các loại thuế khác công ty đã kê khai và nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.

❖ Trích lập các quỹ

Công ty tiến hành trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Tỷ lệ trích lập các Quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tình hình số dư các quỹ năm 2011, năm 2012, và quý II năm 2013 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Diễn giải	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
1	Quỹ dự phòng tài chính	2.441	3.683	5.033
2	Quỹ đầu tư phát triển	8.940	12.857	15.596
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	113	206	3.973
Tổng cộng		11.494	16.746	24.602

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013



❖ Tổng dư nợ vay

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Quý II năm 2013
<u>Vay và nợ vay ngắn hạn</u>	15.217	12.670	13.476
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>11.917</i>	<i>9.870</i>	<i>12.076</i>
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	1.506	1.546	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	10.411	8.324	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	2.800	1.400
<i>Nợ quá hạn</i>	3.300	-	-
- Quỹ đầu tư và phát triển đô thị TP. HCM	3.300	-	-
<u>Vay và nợ vay dài hạn</u>	13.770	29.419	30.876
<i>Vay dài hạn</i>	13.770	26.119	28.076
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	-	17.948	19.905
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	13.770	8.171	8.171
<i>Nợ dài hạn</i>	-	3.300	2.800
- Quỹ Đầu tư và phát triển Đô thị TP.HCM	-	3.300	2.800
Tổng	28.987	42.089	44.352

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Nợ dài hạn phải trả cho Quỹ đầu tư và Phát triển Đô Thị TP. Hồ Chí Minh được gia hạn theo công văn số 921/UBND –TM của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tình hình công nợ

Các khoản phải thu

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Quý II năm 2013
Phải thu của khách hàng	25.141	29.158	30.361
Trả trước cho người bán	1.324	55.752	33.353
Các khoản phải thu khác	9.113	3.019	3.607
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.776)	(668)	(668)
Tổng cộng	33.802	87.261	66.653

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Số dư các khoản phải thu khách hàng vào ngày 30/06/2013

ĐVT: VNĐ

STT	Tên	Số dư
1	Cty TNHH MTV Than Hòn Gai	4.575.231.540
2	Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh	1.943.512.000
3	CN Cty CP XM Hà Tiên 1-NM XM Bình Phước	1.792.125.500
4	Cty Tuyển Than Hòn Gai	1.693.545.700
5	Globetech Manufacturing INC	1.525.963.420
6	Cty CP Cơ khí xây dựng Long An	1.392.417.400
7	Martec International	1.388.269.512
8	CN Cty CP XM Hà Tiên 1-NM xi măng Kiên Lương	1.292.681.500
9	Cty TNHH MTV Cơ khí Liên Trì	1.279.102.000
10	Các khách hàng khác	13.477.876.425
Tổng		30.360.724.997

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý II năm 2013.

Số dư các khoản trả trước người bán vào ngày 30/06/2013 bao gồm:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên	Số dư
1	Công ty TNHH Kiến trúc A.T.A VN	40.000.000
2	Công ty CP ĐTPT TM-CN Củ Chi	19.608.858
3	Công ty TNHH TM-CK XD Đạt Tân Anh	4.000.000.000
4	Công ty CP ĐT Địa ốc Sài Gòn	50.000.000
5	DNTN Cơ khí Nghĩa Thành	825.000.000
6	Công ty TNHH SX-TM Ntech	50.220.000
7	Công ty TNHH Song Minh	1.108.800
8	Cơ khí Tiến Dũng	2.288.000.000
9	Công ty CP Xây dựng Mai Duy	150.000.000
10	Công ty TNHH Cơ khí Nam Sài Gòn	1.181.950.000
11	Công ty Tianjin Machinner Import	15.182.362.320
12	Công ty TNHH TV ĐT-XD-TM Việt Hưng	550.000.000
13	Công ty Top Grand International	8.883.975.120
14	Công ty Zhejiang Tianji	130.680.287
Tổng		33.352.905.385

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý II năm 2013.

Các khoản phải trả

ĐVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Nợ ngắn hạn	44.146	57.251	39.707
Vay và nợ ngắn hạn	15.217	12.670	13.476
Phải trả người bán	8.790	2.887	3.691
Người mua trả trước	604	32.200	182
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.707	4.435	1.313
Phải trả công nhân viên	744	781	791
Chi phí phải trả	2.341	-	2.763
Phải trả phải nộp khác	11.695	2.919	12.460
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.935	1.153	1.056
Quỹ khen thưởng phúc lợi	113	206	3.973
Nợ dài hạn	13.910	29.159	30.976
Phải trả dài hạn khác	140	100	100
Vay và nợ dài hạn	13.770	29.419	30.876
Tổng cộng	58.056	86.770	70.683

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Số dư phải trả người bán đến ngày 30/06/2013:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên	Số dư
1	Công ty TNHH Bảo Tượng	1.113.137.207
2	Cửa hàng vải Hồ Xuân Nam	388.367.500
3	Công ty TNHH Hóa chất Kiều Thoại	899.965.000
4	Công ty TNHH TM Dương Kim Long	85.384.860
5	CTCP Quốc tế An Lộc Phát	30.250.000
6	Công ty TNHH SX – TM Phong Niên	24.915.000
7	Công ty TNHH VT – TM XK Dương Nguyên	620.690.400
8	Công ty CP Kho vận – Dịch vụ Thương Mại	192.121.600
9	Coongty CP Thương mại Việt Bình Phát	-
10	Các công ty khác	336.049.408
Tổng		3.690.880.975

Nguồn: BCTC kiểm toán Quý II năm 2013

Danh sách người mua trả tiền trước đến ngày 30/06/2013

ĐVT: VNĐ

STT	Tên	Số dư
1	Công ty Việt An	35.000.000
2	Ngô Nhật Nghĩa	67.399.000
3	Nhà máy XM Thành Công 2	80.000.000
Tổng		182.399.000

Nguồn: BCTC kiểm toán Quý II năm 2013

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Quý II 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,71	2,95	3,77
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,80	2,38	3,00
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,93	38,42	34,61
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	46,91	62,38	52,94
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,60	4,23	2,80
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,94	0,94	0,57
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,48	8,50	5,57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	11,40	12,41	4,71
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	7,94	8,00	3,20
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,96	8,78	7,59
5. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	1.710	1.977	747.42
6. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVS)	VNĐ/CP	15.002	16.861	16.183

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011, 2012, BCTC Quý II năm 2013

Khả năng thanh toán:

Năm 2011, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty đều giảm. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2011 giảm còn 2,71 lần và hệ số thanh toán nhanh năm 2011 giảm còn 1,8 lần. Tuy nhiên, sang năm 2012, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty đã được cải thiện. Cụ thể là khả năng thanh toán hiện hành của công ty đạt 2,95 lần, khả năng thanh toán nhanh đạt 2,38 lần. Đồng thời các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty vẫn lớn hơn 1, chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty tốt.

Cơ cấu vốn:

So với năm 2011, tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn của công ty năm 2012 có xu hướng gia tăng. Hệ số nợ trên tổng tài sản năm 2011 là 31,93% so với 38,42% của năm 2012. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2011 là 46,91% đã tăng lên 62,38% trong năm 2012. Nhu cầu sử dụng vốn đầu tư cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh cũng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tỷ lệ nợ của công ty. Tuy nhiên, tỷ trọng nợ trên tổng tài sản của công ty không cao đảm bảo cho BERUBCO duy trì được cơ cấu vốn an toàn.

Năng lực hoạt động:

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của công ty năm 2012 so với năm 2011 không có nhiều thay đổi. Vòng quay hàng tồn kho của công ty duy trì hơn 2 vòng một năm tương đương khoảng 180 ngày do bản chất sản phẩm của công ty thuộc nhóm tiêu thụ chậm.

Khả năng sinh lời:

ROE và ROA của công ty năm 2011 có xu hướng tăng chứng tỏ công ty hoạt động có hiệu quả. ROE của công ty tăng từ 11,30% năm 2011 lên 12,41% năm 2012. Tương tự ROA của công ty cũng tăng từ 7,94% năm 2011 lên 8,00% năm 2012.

13. Hội đồng quản trị. Ban giám đốc, Ban kiểm soát. Kế toán trưởng**13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông Huỳnh Trung Trực	08/05/1957	020140570	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Thanh	02/08/1952	020134732	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
3	Ông Nguyễn Bán	20/02/1957	021809713	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
4	Bà Lê Thị Phương Dung	18/06/1974	022945079	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Đình Nhật Cường	02/02/1962	022922626	Thành viên HĐQT

❖ Ông Huỳnh Trung Trực – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	HUỲNH TRUNG TRỰC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/05/1957
Nơi Sinh :	Tân Uyên – Bình Dương
CMND	020140570. cấp ngày 18/09/2009 tại TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Dương
Địa chỉ thường trú:	Số 7, Đường 39, KP5, P.Linh Đông, Q.Thủ Đức, TPHCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan :	0913904246
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ Sư Xây Dựng
Quá trình công tác	
+ Từ 1980 đến 1996:	Cán bộ. Phó Phòng. Trưởng Phòng. Phòng XD CB Cty Cao Su Phú Riềng, Tổng Cty Cao Su Việt Nam
+ Từ 1996 đến nay:	Chuyên viên. Phó Ban, Trưởng Ban. Ban XD CB, Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam
+ Từ 2007 đến nay:	Chủ tịch HĐQT CTCP Cao Su Bến Thành
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT CTCP Cao Su Bến Thành
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác :	Trưởng Ban Xây Dựng Cơ Bản Tập Đoàn CN Cao Su VN Chủ tịch HĐQT CTCP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy Điện VRG – Đắk Nông Ủy viên HĐQT CTCP Xi Măng FICO Tây Ninh
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2012)	1.281.240 cổ phần chiếm 15,53% tổng số cổ phần
+ Đại diện sở hữu :	1.270.240 cổ phần chiếm 15,40%
+ Cá nhân sở hữu	11.000 cổ phần chiếm 0,13% tổng số cổ phần
+ Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	Cam kết việc nắm giữ CP ở công ty khác không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích cũng như không xảy ra xung đột lợi ích với CTCP Cao Su Bến Thành
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan :	0 cổ phần nắm giữ
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Văn Thanh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên:	NGUYỄN VĂN THANH
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	02/08/1952
Nơi Sinh	Quảng Ngãi
CMND	020134732, cấp ngày 30/06/2008 tại CA TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Phổ Minh – Đức Phổ - Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	195 Tô Hiến Thành, Phường 13, Q10, TPHCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	3 7 907 619
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cao học Quản Trị KinhDoanh
Quá trình công tác	
+ Từ 10/1976 đến 4/1977	NV Kế Toán P.Thống kê Tài chính giá cả - Sở Công Nghiệp TPHCM
+ Từ 05/1977 đến 10/1981	Phụ trách P. Kế Toán CT Nhựa cao su – TP Kế Toán Thống kê XNLH Cao Su
+ Từ 11/1981 đến 03/1986	TP Kế Toán tại XNLH Công Nông Nghiệp Cao Su
+ Từ 04/1986 đến 07/1992	Trưởng phòng Kế Toán tại LHXN Công Nghiệp Cao Su
+ Từ 08/1992 đến 12/2001	PTGD Công ty Công Nghiệp Cao Su RUBIMEX
+ Từ 01/2002 đến 04/2007	Giám đốc công ty Cao Su Bến Thành
+ Từ 05/2007 đến nay	Tổng Giám đốc công ty CP Cao Su Bến Thành
Chức vụ công tác hiện nay:	Tổng Giám Đốc
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2012)	1.485.813 cổ phần chiếm 18.01% tổng số cổ phần
+ ĐDSH cho TCT Công Nghiệp SG	1.484.940 cổ phần chiếm 18% tổng số cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	873 cổ phần chiếm 0.01% tổng số cổ phần
+ Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan:	
+ Con Nguyễn Thanh Phương	71.020 cổ phần chiếm 0.86% tổng số cổ phần
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Bán – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	NGUYỄN BÁN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/02/1957
Nơi Sinh :	Đà Nẵng
CMND	021809713, cấp ngày 31/12/1998 tại CA.TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú:	177 Phó Cơ Điều – Phường 6 – Quận 11 – TPHCM
Số ĐT liên lạc của cơ quan	0903675095
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Khoa Học
Quá trình công tác	
Từ 08/1978 đến 1986	Phó Quản Đốc XN Cao Su Tiến Bộ 1
Từ 1986 đến 10/1993	Phó Giám Đốc XN Cao Su Phú Lâm
Từ 10/1993 đến 04/2007	Phó Giám Đốc Công Ty Cao Su Bến Thành
Từ 05/2007 đến nay	Phó Giám Đốc Công Ty CP Cao Su Bến Thành
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2012)	1.000.908 cổ phần chiếm 12.14% tổng số cổ phần
+ Đại diện sở hữu cho TCT CN Sài Gòn	972.638 cổ phần chiếm 11.8% tổng số cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	28.270 cổ phần chiếm 0.34% tổng số cổ phần
+ Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Bà Lê Thị Phương Dung – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	18/06/1974
Nơi sinh:	TP. Hồ Chí Minh
CMND:	022945079, ngày cấp 04/10/2006. nơi cấp: TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	12 đường số 8, KP 5, P Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	3 8368363
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:	
+ Từ 1996 đến 2006:	Làm việc tại công ty Xi măng Hà Tiên 1
+ Từ 2006 đến 2010:	
+ Từ 2010 đến nay:	Làm việc tại công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Trưởng phòng Kế toán công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2012)	Không
+ Đại diện sở hữu:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	Không
+ Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	Cam kết việc nắm giữ cổ phiếu ở các công ty khác không ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích của CTCP Cao Su Bến Thành cũng như không xảy ra xung đột lợi ích từ việc nắm giữ cổ phiếu tại các công ty khác với CTCP Cao Su Bến Thành
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

❖ Ông Phạm Đình Nhật Cường – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	02/02/1962
Nơi Sinh:	TPHCM
CMND	022922626, cấp ngày 07/12/2004 tại CA TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	TPHCM
Địa chỉ thường trú:	118/47 Bạch Đằng – Quận Bình Thạnh .TPHCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	3 8368363
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính Kế Toán . CFO
Quá trình công tác	
+ Từ 1981 đến 1985	Kế toán giá thành tổng hợp tại Nhà máy XMKL
+ Từ 1985 đến 1996	Kế toán tổng hợp tại Công Ty Xi Măng Hà Tiên 1
+ Từ 1996 đến 2001	Phó phòng kế toán – TKTC Công ty XMHT 1
+ Từ 2001 đến 2003	Phụ trách phòng kế toán – TKTC công ty XMHT 1
+ Từ 2003 đến 2009	Trưởng Phòng KTTKTC
+ Từ 2009 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành. Phó Giám đốc công ty CP XM Hà Tiên
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT công ty CP Cao Su Bến Thành
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Giám Đốc. Ủy Viên HĐQT Công ty XMHT 1
Số CP nắm giữ thời điểm 31/12/2012)	2.310.000 cổ phần chiếm 28% tổng số cổ phần
+ Đại diện sở hữu cho CTCP Hà Tiên 1	2.310.000 cổ phần chiếm 28% tổng số cổ phần
+ Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	
	Cam kết việc nắm giữ cổ phiếu ở các công ty khác không ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích của CTCP Cao Su Bến Thành cũng như không xảy ra xung đột lợi ích từ việc nắm giữ cổ phiếu tại các công ty khác với CTCP Cao Su Bến Thành
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan:	Không

13.2. Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Thanh	02/08/1952	020134732	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT
2	Ông Nguyễn Bán	20/02/1957	021809713	Phó Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT
3	Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	08/12/1967	260485227	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Ông Nguyễn Văn Thanh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: *(Xem SYLL TV HĐQT)*
- ❖ Ông Nguyễn Bán – Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc: *(Xem SYLL TV HĐQT)*

❖ Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/12/1967
Nơi Sinh :	Bình Thuận
CMND	260485227, cấp ngày 20/03/1993 tại Bình Thuận
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Thuận
Địa chỉ thường trú:	126 Lê Thiệt – Phường Phú Thọ Hòa – Quận Tân Phú TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan :	3 7907619
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ Sư Thiết Kế Máy
Quá trình công tác	
+ Từ 1991 đến 2002:	Quản đốc xưởng đế giày tại Cty Công Nghiệp Cao Su Rubimex
+ Từ 2002 đến 2005:	Phó Phòng Kỹ Thuật Công Ty Cao Su Bến Thành
+ Từ 2006 đến 2007:	Trưởng phòng Kỹ Thuật công ty Cao Su Bến Thành
+ Từ 2007 đến nay :	Phó Tổng Giám đốc công ty CP Cao Su Bến Thành
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác :	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 15/05/2012)	16.698 cổ phần chiếm 0.20% tổng số cổ phần
Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan :	0 cổ phần nắm giữ
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**13.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Lương	07/10/1960	023137123	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Trương Thị Thu Hương	23/07/1980	023386475	TV Ban Kiểm soát
3	Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	23/07/1980	022900356	TV Ban Kiểm soát

❖ Ông Nguyễn Văn Lương – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên:	NGUYỄN VĂN LƯƠNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	07/10/1960
Nơi Sinh :	Hà Nội
CMND	023137123, cấp ngày 12/02/2007 tại CA.TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	406/17 Cộng hòa. Phường 13. Tân Bình. TP.HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	3 9325235
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
+ Từ 1978 đến 1982 :	Nhân viên Kế Toán tại Công ty cao su Bình Long
+ Từ 1983 đến 1987:	Là Sinh viên Trường Đại học Tài chính kế toán
+ Từ 1988 đến 2008:	Chuyên viên KT tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
+ Từ 2009 đến nay:	Phó trưởng Ban tài chính kế toán tập đoàn CN Cao Su Việt Nam .
	Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty Cao Su Bến Thành
Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng ban Kiểm Soát công ty CP Cao Su Bến Thành
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Phó trưởng Ban tài chính kế toán Tập đoàn CN Cao Su Việt Nam
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2012)	9.350 cổ phần chiếm 0.11% tổng số cổ phần
Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	Cam kết việc nắm giữ cổ phiếu ở các công ty khác không ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích của CTCP Cao Su Bến Thành cũng như không xảy ra xung đột lợi ích từ việc nắm giữ cổ phiếu tại các công ty khác với CTCP Cao Su Bến Thành
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan:	0 cổ phiếu nắm giữ
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Bà Trương Thị Thu Hương – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	23/07/1980
Nơi sinh:	Đông Hà – Quảng Trị
CMND:	023386475, ngày cấp 17/06/2003 , nơi cấp: TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	402 lô E. cư xá Thanh Đa. Phường 27. Quận Bình Thạnh. TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc:	3 8368363
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:	
+ Từ 2002 đến 2004:	Chuyên viên Kế toán tại Công ty CP Gỗ Đức Thành
+ Từ 2004 đến 2007:	Chuyên viên Kế toán tại công ty Vixumilk
+ Từ 2008 đến nay	Chuyên viên Kế toán tại Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên BKS Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác :	Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2012)	0 cổ phần
Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	Cam kết việc nắm giữ cổ phiếu ở các công ty khác không ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích của CTCP Cao Su Bến Thành cũng như không xảy ra xung đột lợi ích từ việc nắm giữ cổ phiếu tại các công ty khác với CTCP Cao Su Bến Thành
Những người có liên quan	0 cổ phiếu nắm giữ
Những khoản nợ đối với Công ty:	không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

❖ Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	TRẦN THỊ MỸ HẠNH
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	16/10/1973
Nơi Sinh :	TPHCM
CMND	022900356. cấp ngày 26/09/1997 tại CA.TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	TPHCM
Địa chỉ thường trú:	126/24 Đường 100, Bình Thới, Phường 14, Quận 11, TPHCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	8924768
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ Sư Hóa
Quá trình công tác	
+ Từ 1997 đến 2001:	Nhân viên tại công ty Samyang Việt Nam
+ Từ 2001 đến 2003 :	Nhân viên Kỹ Thuật tại Công Ty Cao Su Bến Thành
+ Từ 2003 đến nay 04/2007	Phó Phòng Kinh Doanh Công ty CP Cao Su Bến Thành
+ Từ 05/2007 đến nay :	Phó Phòng KT – KT Công ty CP Cao Su Bến Thành. Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cao su Bến Thành
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó phòng Kinh Tế - Kỹ Thuật kiêm Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2012)	3.130 cổ phần chiếm 0.04% tổng số cổ phần
Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	Cam kết việc nắm giữ cổ phiếu ở các công ty khác không ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích của CTCP Cao Su Bến Thành cũng như không xảy ra xung đột lợi ích từ việc nắm giữ cổ phiếu tại các công ty khác với CTCP Cao Su Bến Thành
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan:	0 Cổ phiếu
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.4. Kế toán trưởng**❖ Bà Lưu Thị Tố Như – Kế toán trưởng**

Họ và tên:	LIU THI TO NU
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	21/11/1980
Nơi Sinh	Tiền Giang
CMND	025029271. cấp ngày 03/12/2008 tại CA.TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú:	6C Bình Đức – Phường 15 – Quận 8 – TPHCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	3 7907619
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
+ Từ 2002 đến 2005:	Kế Toán tổng hợp tại DNTN In Hồng Phúc
+ Từ 2006 đến 04/2007 :	Kế Toán Thanh Toán tại Công Ty Cao Su Bến Thành
+ Từ 05/2007 đến nay:	Kế Toán trưởng Công ty CP cao Su Bến Thành
Chức vụ công tác hiện nay:	Kế Toán Trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2012)	700 cổ phần chiếm 0.008% tổng số cổ phần
Sở hữu cổ phần ở công ty khác:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

14. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đến ngày 30/06/2013

ĐVT: VNĐ

STT	Khoản mục	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
A	Tài sản cố định hữu hình	101.939.199.034	39.483.014.031	39%
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	12.943.917.570	6.080.829.672	47%
2	Máy móc thiết bị	81.831.086.134	30.615.726.545	37%
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	6.708.831.031	2.683.574.503	40%
4	Dụng cụ quản lý	455.364.299	102.883.311	23%
B	Tài sản cố định vô hình	11.219.048	-	-
	Nhãn hiệu	11.219.048	-	-
CỘNG		101.950.418.082	39.483.014.031	41%

Nguồn: BCTC Quý II năm 2013

Đất đai và bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty

STT	Tên tài sản	Vị trí	Diện tích	Ghi chú
1	Nhà máy sản xuất tại khu CN Tây Bắc – Củ Chi	Lô B3-1 KCN Tây Bắc, Củ chi	18.250 m ²	Thời hạn cho thuê là 20 năm
2	Văn phòng làm việc tại TPHCM	45 Ông Ích Khiêm. P.10, Q.11	354 m ²	Đất được Nhà nước cho thuê 50 năm, và có giấy chứng nhận sở hữu

Nguồn: Công Ty Cổ Phần Cao su Bến Thành

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**Các chỉ tiêu kế hoạch 2013**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013		Năm 2014	
		Kế hoạch	% Tăng giảm so với năm 2012	Kế hoạch	% Tăng giảm so với năm 2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	228.000	23,24%	300.000	31,58%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.500	(22,22)%	15.750	50%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,60	(37)%	5,25	14,13%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	12,73	(22,18)%	19,09	49,96%
Cổ tức/VĐL	%	7	(30)%	9	28,57%

Nguồn: Công Ty Cổ Phần Cao su Bến Thành

Hoạt động sản xuất kinh doanh của BERUBCO được đánh giá ngày càng hiệu quả. Tuy nhiên, với tình hình kinh tế năm 2013 được dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, thử thách, công ty đã thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm 2013 với các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận tương đối thấp hơn năm trước.

Căn cứ hoàn thành kế hoạch:

Theo định hướng sắp tới đây, BERUBCO vẫn xác định tập trung vào việc sản xuất kinh doanh những sản phẩm cao su Công ty đang có lợi thế như băng tải, dây courroie và cao su kỹ thuật. Bên cạnh đó, đa dạng hóa doanh thu của mình bằng cách đầu tư thêm vào việc hỗ trợ kỹ thuật lắp đặt băng chuyền cho các nhà máy, xây dựng cao ốc cho thuê.

❖ **Về sản phẩm băng tải và dây courroie:**

- Xác định đầu tư đa dạng các loại sản phẩm phù hợp với nhu cầu của các nhà máy. Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất, đầu tư xây dựng các hệ thống thiết bị công nghệ mới như việc đầu tư dây chuyền sản xuất băng tải lõi thép để mở rộng dòng sản phẩm băng tải.
- Đưa sản phẩm dây courroie với tính chất kỹ thuật mới vào thị trường.

❖ **Về môi trường đầu tư:**

- Môi trường Kinh tế thế giới và Việt Nam những năm tới có những chuyển biến tốt.

- Nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp. nhà máy về sản phẩm băng chuyền, dây courroie ngày càng tăng
- Là thành viên thuộc Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn, Công ty có được sự tin tưởng, hỗ trợ về tài chính từ Ngân hàng và các định chế tài chính khác.

❖ **Về năng lực nội tại**

- Với những chính sách quản lý phù hợp, năng lực nội tại công ty được phát huy và khai thác triệt để về: nguồn vốn, máy móc thiết bị, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật... bên cạnh đó cải cách hệ thống quản trị và điều hành trong từng giai đoạn phù hợp với điều kiện sản xuất và làm việc.
- Thương hiệu BERUBCO hiện tại đang rất được các doanh nghiệp. nhà máy trong nước tín nhiệm.
- Thị trường xuất khẩu của Công ty ngày càng được mở rộng do nhu cầu phát triển từ bên ngoài và hiện tại đã có được hợp đồng hợp tác với thị trường lớn như Mỹ, Singapore, Canada...
- Chính sách đào tạo, thu hút nguồn lực có chất lượng cao. đáp ứng nhu cầu quản lý và phát triển công ty trước mắt và lâu dài.
- BERUCO có khả năng mở rộng và phát triển được vùng nguyên liệu tại các tỉnh Lâm Đồng và Tây Ninh.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn. Công ty cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin. tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng. Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành là doanh nghiệp có bề dày hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh. năng động trong phát sản xuất kinh doanh các mặt hàng thế mạnh của công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua cùng với dự báo về triển vọng phát triển ngành cao su trong những năm sắp tới, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của công ty trong năm tới là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư.

17. Thời gian dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức: công ty dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành cam kết đưa chứng khoán phát hành thêm của công ty đăng lưu ký và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán: không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 VNĐ
3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 4.124.999 cổ phần
4. **Giá chào bán dự:** 10.800 đồng/cổ phần
5. **Phương pháp tính giá:**

Giá chào bán dự kiến được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần P/E (gọi tắt là phương pháp so sánh P/E)
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu trên/ giá trị sổ sách mỗi cổ phần P/BV (gọi tắt là phương pháp P/BV)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2012:

$$\begin{aligned}
 &\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2012} = \text{số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{cổ phiếu quỹ} \\
 &= 8.249.998 - 0 = 8.249.998 \text{ cổ phần}
 \end{aligned}$$



Cổ phiếu BERUBCO được chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 13/12/2011. Tính đến thời điểm 31/12/2012, công ty chưa thực hiện thêm bất kỳ đợt phát hành nào. Đợt phát hành 4.124.999 cổ phần sắp tới cho dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép dự kiến sẽ kết thúc vào quý III năm 2013 nên số lượng cổ phần lưu hành bình quân năm 2011 và 2012 vẫn là 8.249.998 cổ phiếu

Giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu BRC tại thời điểm 31/12/2012 theo BCTC kiểm toán năm 2012:

Giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2012 (mệnh giá 10.000 đồng, vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 31/12/2012 là: 82.499.980.000 VNĐ).

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị sổ} & & \text{Vốn chủ sở hữu - Tài sản vô hình} & & 139.100.038.358 - 0 \\ \text{sách cổ phần} & = & & = & \\ & & \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} & & 8.249.998 \end{array} = 16.861 \text{ đồng/CP}$$

❖ Một số chỉ tiêu cơ bản của những doanh nghiệp cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

STT	Tên doanh nghiệp	ĐVT	P/E	P/B
1	DPR_ CTCP Cao Su Đồng Phú	Lần	3.52	1.08
2	PHR_ CTCP Cao Su Phước Hòa	Lần	4.19	1.04
3	HRC_ CTCP Cao Su Hòa Bình	Lần	3.56	0.97
4	TNC_ CTCP Cao Su Thống Nhất	Lần	7.19	1.32
5	TRC_ CTCP Cao Su Tây Ninh	Lần	4.27	0.91
Bình quân		Lần	4.15	1.06

Nguồn: Báo cáo cập nhật tình hình kinh doanh năm 2012 các doanh nghiệp niêm yết ngành cao su thiên nhiên do FPTTS cập nhật ngày 31/12/2012.

❖ Phương pháp so sánh P/E

Phương pháp này dựa trên thu nhập ước tính năm 2012 của BERUBCO và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Chi tiêu	ĐVT	Số liệu
Lợi nhuận sau thuế năm 2012 (a)	VNĐ	16.311.092.105
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành năm 2012(b)	cổ phiếu	8.249.998
Thu nhập trên 1 cổ phiếu trong năm 2012 (a/b)	VNĐ/cổ phiếu	1.977
Hệ số bình quân P/E của ngành	Lần	4.15
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E	VNĐ/cổ phiếu	8.205

❖ Phương pháp so sánh P/BV

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 31/12/2012 của BERUBCO và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các công ty cùng đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Chi tiêu	ĐVT	Số liệu
Giá trị sổ sách ngày 31/12/2012 (a)	VNĐ	16.861
Hệ số bình quân P/BV của ngành (b)	Lần	1.06
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp P/BV(a*b)	VNĐ/cổ phiếu	17.873

❖ Kết luận

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp so sánh P/E	8.205	50%
Phương pháp so sánh P/BV	17.873	50%
Trung bình gia quyền	13.039	100%

Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thêm, giá chào bán dự kiến của cổ phiếu BRC được xác định là 10.800 VND theo Nghị Quyết HĐQT số 66/2012/NQ – HĐQT ngày 27/11/2012

6. Phương thức phân phối:

- Đối với cổ đông đã lưu ký: đăng ký mua cổ phiếu và tham khảo bản cáo bạch tại công ty chứng khoán, nơi đã mở tài khoản.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: đăng ký mua cổ phiếu và tham khảo bản cáo bạch tại Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành – Địa chỉ: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi. TP.HCM

7. Thời gian phân phối

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

Lịch trình phân phối cổ phiếu phát hành được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thực hiện
1	Nhận Giấy phép đăng ký chào bán cổ phiếu của UBCK	D	BRC, FPTTS
2	Công bố thông tin theo qui định	D đến D + 7	BRC, FPTTS
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.	D+3 đến D+18	BRC, HOSE
4	Chuyển nhượng quyền mua (nếu có)	D + 18 đến D + 34	BRC, HOSE, FPTTS
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	D+ 18 đến D + 48	NĐT
6	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có)	D + 53 đến D +67	BRC
7	Báo cáo kết quả phát hành và thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung	D + 68 đến D + 82	BRC
8	Hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung	D + 83	BRC
9	HOSE chấp thuận đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành	D+84	BRC
10	Công bố thông tin niêm yết bổ sung và dự kiến ngày giao dịch đầu tiên	D+ 85 đến D+90	BRC

(Ghi chú: D được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.)

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Thời hạn

Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền: Kể từ ngày cổ đông hiện hữu nhận được thông báo quyền mua, cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua trong thời hạn 30 ngày.

8.2. Số lượng

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 4.124.999 cổ phần

8.3. Phương thức thanh toán

- Đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký cổ phiếu (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): thanh toán bằng chuyển khoản tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
- Đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: thanh toán bằng chuyển khoản cho Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành; theo tài khoản số 1321 00000 63004 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – CN Nam Sài Gòn

8.4. Chuyển giao cổ phiếu

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải có trách nhiệm chuyển giao cổ phiếu cho người mua.

8.5. Quyền lợi người mua cổ phiếu

Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua sẽ được mua một cổ phần mới.

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng một lần trong thời gian thực hiện quyền.

8.6. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: 1 cổ phiếu

8.7. Số tiền tối thiểu cần thu từ đợt phát hành:

Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 31/05/2012 và Tờ trình ĐHCĐ về việc phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của CTCP Cao Su Bến Thành, nguồn vốn cần thiết dự kiến cho đầu tư dự án cụ thể như sau:

Tổng vốn dự kiến đầu tư :	135.364 triệu đồng
+ Vốn vay :	90.000 triệu đồng
+ Vốn tự có (đối ứng cần huy động thêm) :	45.364 triệu đồng
Trong đó Quỹ đầu tư phát triển là:	8.960 triệu đồng

Vì vậy, số tiền tối thiểu cần huy động từ đợt chào bán theo giá 10.800 đồng/cổ phiếu là **44.549.989.200 VND.**

8.8. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn phương án thích hợp.

9. Phương thức thực hiện quyền

9.1. Điều kiện, thời gian thực hiện quyền

- Điều kiện thực hiện quyền: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua thì sẽ được mua 01 cổ phần mới.
- Thời gian thực hiện quyền: Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kể từ ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.

9.2. Tỷ lệ thực hiện quyền

Tỷ lệ thực hiện quyền 2:1. Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách sở hữu một cổ phiếu có 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua sẽ được mua một cổ phiếu mới.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 253 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 2:1, cổ đông A được nhận thêm quyền mua 126,5 cổ phần mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,5 cổ phần lẻ sẽ được ủy quyền cho HĐQT quyết định. Như vậy cổ đông A sẽ được mua 126 cổ phần mới.

9.3. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện được quyền mua cổ phiếu, các vấn đề có liên quan được ủy quyền cho HĐQT giải quyết.

9.4. Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phiếu

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

10. Giới hạn về việc nắm giữ với cổ đông nước ngoài:

Điều lệ và tổ chức hoạt động của công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Cổ phiếu BERUBCO đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, các giới hạn về

tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật.

Tại thời điểm hiện tại, theo quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính Phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ tối đa của bên nước ngoài vào một công ty niêm yết là 49%. Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 15/05/2012, số lượng cổ phiếu của BERUBCO do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 11.580 cổ phần chiếm 0,1% vốn điều lệ. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của công ty sẽ tăng lên 123.749.970.000 đồng, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ theo quy định pháp luật hiện hành.

11. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):

Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Trong trường hợp cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua hoặc mua không đủ số lượng theo tỷ lệ, và phần cổ phiếu lẻ phát sinh, ủy quyền cho HĐQT quyết định với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

12. Phương án xử lý trong trường hợp không thu hồi đủ vốn theo phương án phát hành:

Phương án xử lý trong trường hợp không thu hồi đủ vốn theo phương án phát hành: Ủy quyền cho HĐQT, tùy theo tình hình, quyết định.

13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

14. Các loại thuế có liên quan

Theo luật định thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế Giá trị gia tăng: tùy từng mặt hàng cụ thể chịu thuế suất thuế GTGT là 5% và 10%.

Thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân và một số loại thuế khác tuân thủ luật thuế hiện hành.

15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do công ty mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành

Số tài khoản: 1321 00000 63004

Ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam _ CN Nam Sài Gòn

Địa chỉ: Số 1, Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. HCM

Số điện thoại: 08.3.943.5393

Fax: 08.3.943.5394

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

Đợt chào bán 4.124.999 cổ phần lần này nhằm mục đích tăng vốn điều lệ từ 82.499.980.000 đồng lên 123.749.970.000 đồng. Toàn bộ số vốn huy động dự kiến từ đợt phát hành này sẽ được sử dụng cho việc thực hiện Dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép.

2. Phương án khả thi

Phương án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép được lập bởi đơn vị tư vấn thiết kế là Công ty Cổ phần Kiến trúc PI.

2.1. Nhu cầu sử dụng băng tải lõi thép tại Việt Nam:

Với những đặc tính đã nêu, băng tải lõi thép không được sử dụng rộng rãi cho tất cả các ngành mà chỉ tập trung vào các công trình có đường chuyền dài và khả năng chịu tải cao, vì vậy lượng khách hàng sử dụng sẽ không nhiều nhưng số lượng sử dụng lại lớn. Hiện nay băng tải lõi thép cung cấp trong nước được nhập hoàn toàn từ nước ngoài với sản lượng 220.000m² và giá bán cao hơn gấp nhiều lần so với băng tải loại thường. Trong đó:

- Ngành sản xuất xi măng : 130.000m²
- Ngành khai thác than: 80.000m²
- Ngành sản xuất phân bón và ngành khác: 10.000 m²

Nhu cầu thay thế hằng năm từ 25% - 35% nhu cầu sử dụng



Biểu đồ thị phần tiêu thụ băng tải lõi thép tại Việt Nam

Việc đầu tư dây chuyền sản xuất băng tải lõi thép đầu tiên tại Việt Nam trong giai đoạn này là rất hợp lý. đây sẽ là cơ hội chiếm lĩnh thị trường băng tải đang bỏ ngỏ, thay thế hoàn toàn hàng ngoại

nhập và sẽ là điểm chặn với các nhà sản xuất khác khi có ý định đầu tư do họ không dễ tìm đầu ra cho sản phẩm khi lượng khách hàng ít và đã có nhà cung cấp ổn định.

Đặc biệt dây chuyền sản xuất băng tải lõi thép có thể sản xuất được băng tải vải, nên sẽ góp phần gia tăng sản lượng băng tải vải (thiết bị lưu hóa hiện có tại nhà máy sản xuất 3 ca liên tục nhưng vẫn không đáp ứng đủ yêu cầu khách hàng)

2.2. Sự cần thiết phải đầu tư dự án:

Cùng đồng hành và phát triển ngành cao su Việt Nam BERUBCO chúng tôi đang tiến hành sản xuất các sản phẩm cao su phục vụ cho quá trình sản xuất trong đó nổi trội nhất là sản phẩm băng chuyền cao su lõi thép hiện nay chỉ được nhập ngoại và hoàn toàn chưa được sản xuất tại Việt Nam. đã mở ra một thị trường nội địa rộng lớn với các hình thức sản phẩm rất đa dạng.

Trong quá trình sản xuất nếu băng tải cao su không đảm bảo số lượng và chất lượng sẽ gây ra rất nhiều sự cố như: chậm tiến độ, tạm dừng để nối, vá băng tải, hoặc dừng hẳn sản xuất sẽ gây ra nhiều thiệt hại cho các hoạt động kinh doanh của công ty. Chính vì vậy việc sản xuất hệ thống băng chuyền cao su lõi thép là một nhu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng và nâng cao hiệu quả kinh tế cho các doanh nghiệp.

BERUBCO chúng tôi nhận thấy rằng, băng chuyền tải không chỉ là băng chuyền vận hành trong các nhà máy. mà còn là vòng đời quan trọng trong quá trình sản xuất, Chính vì điều này cũng là động lực đã thôi thúc chúng tôi nghiên cứu và phát triển với nỗ lực không ngừng để đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm. Chúng tôi không chỉ sản xuất băng tải mà còn đưa ra các giải pháp khắc phục lỗi khi vận hành băng tải. Chúng tôi luôn biết cách biến những khách hàng vãng lai thành khách hàng lớn của công ty. Bởi vì chúng tôi tin rằng những khách hàng đã đến với công ty chúng tôi sẽ luôn hài lòng về những sản phẩm chất lượng cũng như dịch vụ phục vụ của chúng tôi. Phương châm của công ty chúng tôi luôn đặt ra 2 yếu tố cơ bản hàng đầu “ Uy tín, chất lượng”, là mục tiêu phát triển của BERUBCO.

2.3. Cơ sở pháp lý của dự án:

❖ Các cơ sở lập dự án định mức:

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4;

- Căn cứ Luật số 38/2009/QH 12 ngày 29/6/2009 Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;
- Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/03/2009 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/05/2010 của Bộ Xây dựng về quy định v/v hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình
- Căn cứ thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30/09/2009 của Bộ Xây Dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

2.4. Những điều kiện thuận lợi để đầu tư dây chuyền lưu hóa bằng tải lõi thép:

- Sản phẩm của công ty đã tạo được thương hiệu, uy tín, thị trường tiêu thụ lớn tại nội địa
- Dự án mới không làm ảnh hưởng đến mức độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận hiện nay của công ty

- Nhà xưởng: nhà xưởng hiện hữu còn phần diện tích trống 1.800m² ngay bên cạnh dây chuyền sản xuất băng tải lõi vải. trong khi phần diện tích lấp đặt dây chuyền mới dự kiến là 470m²
- Công suất nguồn điện : chỉ mới sử dụng 50%
- Công suất lò hơi : chỉ mới sử dụng 50%.
- Công đoạn cán luyện : chỉ mới sử dụng 65%.
- Công đoạn cán tráng : chỉ mới sử dụng 65%.
- Công đoạn ghép tầng : chỉ mới sử dụng 50%.
- Nhà đầu tư chiến lược của Công ty là Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam – nơi cung cấp phần lớn nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư mở rộng sản xuất, sau đợt phát hành tăng vốn điều lệ. công ty có sự tham gia của cổ đông mới là Công ty cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1, cổ đông mới cam kết tiêu thụ sản phẩm của Công ty. đặc biệt là băng tải lõi thép dùng trong dây chuyền sản xuất clinker của Tổng công ty Xi Măng Việt Nam.
- Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân lành nghề có chuyên môn tốt. có kinh nghiệm thực tiễn, được đào tạo thường xuyên.
- Quy trình sản xuất ổn định được kiểm soát bởi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2000

2.5. Đặc tính băng tải lõi thép:

- Cường lực kéo đứt cao: băng tải phù hợp với khoảng cách lớn giữa 2 con lăn, chiều dài đường chuyền tải vật liệu dài.
- Độ giãn dài thấp khi sử dụng.
- Phù hợp với đường kính pulley nhỏ: băng tải có 1 lớp những sợi cáp thép được sắp xếp theo chiều dọc tạo sườn chắc chắn cho băng tải. nên khả năng kháng độ bền mỏi cao khi uốn. Do vậy, đường kính của pulley nhỏ sẽ vận hành được với thiết bị nhỏ hơn.
- Bám dính giữa cao su và sợi cáp thép cao: sợi cáp thép được mạ phủ trên bề mặt 1 lớp kẽm, đồng thời hỗn hợp cao su sử dụng cũng cho bám dính tốt với sợi cáp thép. Do đó, cao su được dính chặt với sợi cáp thép và khả năng kháng va đập, nên tuổi thọ của băng tải được kéo dài.
- Lực căng của sợi thép: tính năng kỹ thuật rất cao trong sản xuất, các sợi thép được sắp xếp cân bằng và cho lực căng là giống nhau, do đó băng tải được cân bằng tốt khi vận hành và không bị lệch.

- Khả năng uốn cong tốt: trong băng tải không có sườn tác động theo chiều ngang nên sẽ dễ dàng uốn cong, do đó băng tải tải được nhiều vật liệu và ngăn không cho vật liệu rơi ra ngoài.
- Kiểm tra băng tải bằng tia X: người sử dụng có thể dùng tia X để kiểm tra nguy hại sự bền chặt của sườn cáp thép nhằm ngăn ngừa tai nạn có thể xảy ra.

Đặc điểm của băng tải lõi thép so với băng tải lõi vải:

Đặc tính	Băng tải lõi thép	Băng tải lõi vải
Độ dài đường chuyển	Từ 300m trở lên	Dưới 200m
Cường lực	6.300 N/mm	3.000N/mm
Tuổi thọ	3 năm	1 năm
Độ dẫn dài khi chạy toàn lực	Rất thấp	Lớn
Khả năng chịu tải	Lớn với tốc độ cao	Thấp với tốc độ chậm
Uống gấp	Dễ uống gấp theo chiều ngang (băng tải uống)	Không thể uống gấp theo chiều ngang do khổ rộng nhỏ
Ngành sử dụng	Xi măng, than, cảng biển	Xi măng, than, cơ khí...
Công suất thiết bị	38m thành phẩm/ giờ	20m thành phẩm/ giờ

2.6. Phương án đầu tư dây chuyền sản xuất băng tải lõi thép.

❖ Địa điểm xây dựng và lắp đặt:

Nhà máy sản xuất hiện hữu tại địa chỉ: Lô B 3-1. KCN Tây Bắc huyện Củ Chi

Tổng diện tích: 18.250m². bao gồm:

- Nhà sản xuất chính: 5.670 m²
 - o Xưởng sản xuất: 5.400m²
 - o Nhà văn phòng; 270 m²
- Nhà kho: 900 m²

- Kho nguyên liệu: 450 m²
- Kho thành phẩm: 450 m²
- Nhà phụ trợ: 228 m²
 - Xưởng cơ khí: 80 m²
 - Nhà nồi hơi: 96 m²
 - Trạm khí nén: 48 m²
- Bể nước cấp và thủy dài
- Bồn dầu: 33 tấn
- Khu xử lý nước thải: 60 m²
- Văn phòng – nhà ăn: 300 m²
- Nhà vệ sinh. thay đồ: 180 m²
- Nhà xe 2 bánh: 120 m²
- Cổng tường rào, nhà bảo vệ
- Trạm điện
- Xưởng sản xuất cao su màu: 1.200m²

❖ **Diện tích xây dựng hiện hữu: 8.658 m²**

Tỷ lệ xây dựng 47,44%

❖ **Các hạng mục xây dựng mới của dự án: 3.461 m²**

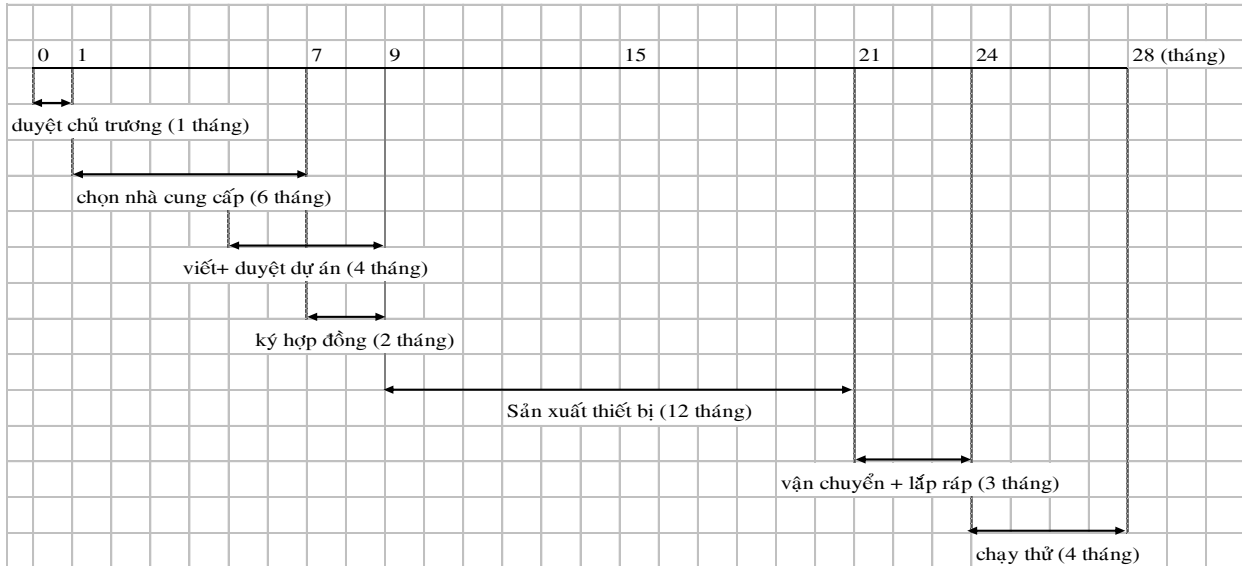
- Xưởng sản xuất băng tải lõi thép: diện tích 1.836m², kết cấu móng đơn BTCT bê tông đá 1x2 mác 200, cột thép, tường xây gạch ống có hệ dầm giằng BTCT, vì kèo thép tổng hợp khẩu độ 18m, mái lợp tole mạ màu. nền BTCT.
- Xưởng cán luyện kín: diện tích 560m², kết cấu móng đơn BTCT bê tông đá 1x2 mác 200, cột thép, tường xây gạch ống cao 6m, trên 6m lợp vách tole, vì kèo thép tổ hợp khẩu độ 20m, máy lợp tole mạ màu, nền BTCT.

- Xưởng cao su kỹ thuật: diện tích 665m², kết cấu móng đơn BTCT bê tông đá 1x2 mác 200, cột thép, tường xây gạch ống có hệ dầm giằng BTCT, vì kèo thép tổ hợp khẩu độ 35m, mái lợp tole mạ màu, nền BTCT.
- Kho: diện tích 400m², kết cấu móng đơn BTCT bê tông đá 1x2 mác 200, cột thép, tường xây gạch ống có hệ thống giằng BTCT, vì kèo thép tổ hợp khẩu độ 10m. mái lợp tole mạ màu, nền BTCT.

❖ **Tổng diện tích xây dựng sau dự án: 12.119 m²**

Tỷ lệ xây dựng 66.41%

❖ **Tiến độ thực hiện**



Nội dung đầu tư

Danh mục thiết bị sản xuất:

ĐVT: VNĐ

STT	TÊN THIẾT BỊ	XUẤT XỨ	GIÁ CHƯA VAT	VAT	GIÁ CÓ VAT
Thiết bị sản xuất băng tải lõi thép			54.000.000.000	5.400.000.000	59.400.000.000
1	Hệ thống lưu hóa băng tải	Trung Quốc	45.000.000.000	4.500.000.000	49.500.000.000
2	Chuyển giao công nghệ	Nt	2.000.000.000	200.000.000	2.200.000.000
3	Máy ói	Nt	6.000.000.000	600.000.000	6.600.000.000
4	Khuôn	Nt	1.000.000.000	100.000.000	1.100.000.000
Thiết bị luyện kín			32.500.000.000	3.250.000.000	35.750.000.000
1	Máy luyện kín 100L	Đài Loan	11.500.000.000	1.150.000.000	12.650.000.000
2	Máy luyện hồ	Nt	7.000.000.000	700.000.000	7.700.000.000
3	Máy làm lạnh	Nt	3.000.000.000	300.000.000	3.300.000.000
4	HT cung cấp carbonblack	Nt	11.000.000.000	1.100.000.000	12.100.000.000
Thiết bị thí nghiệm			1.300.000.000	130.000.000	1.430.000.000
1	Máy kéo cường lực 25ton	Đài Loan	800.000.000	80.000.000	880.000.000
2	Máy đo thời gian reotorless	Nt	500.000.000	50.000.000	550.000.000
Thiết bị phụ trợ			2.000.000.000	200.000.000	2.200.000.000
1	Cần trục	Việt Nam	2.000.000.000	200.000.000	2.200.000.000
Tổng cộng			89.800.000.000	8.980.000.000	98.780.000.000

Danh sách hạng mục công trình xây dựng:

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Diện tích	Suất đầu tư	Giá trị xây dựng trước thuế
I	XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG CHÍNH				18.419.160.000
1	Xưởng sản xuất băng tải (18m x 102m)	m ²	1.836	5.560.000	10.208.160.000
2	Xưởng cán luyện (20m x 28m)		560	5.560.000	3.113.600.000
3	Xưởng cao su kỹ thuật (19m x 35m)		665	5.560.000	3.697.400.000
4	Khu vực kho (10m x 40m)		400	3.500.000	1.400.000.000
II	HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT				1.235.400.000
1	Đường nội bộ	m ²	622	700.000	435.400.000
2	Hệ thống điện, hơi, nước	HT			800.000.000
Công chi phí lắp đặt (I) + (II)					19.654.560.000
Thuế VAT chi phí xây lắp					1.965.456.000
Tổng cộng chi phí xây lắp công trình					21.620.016.000



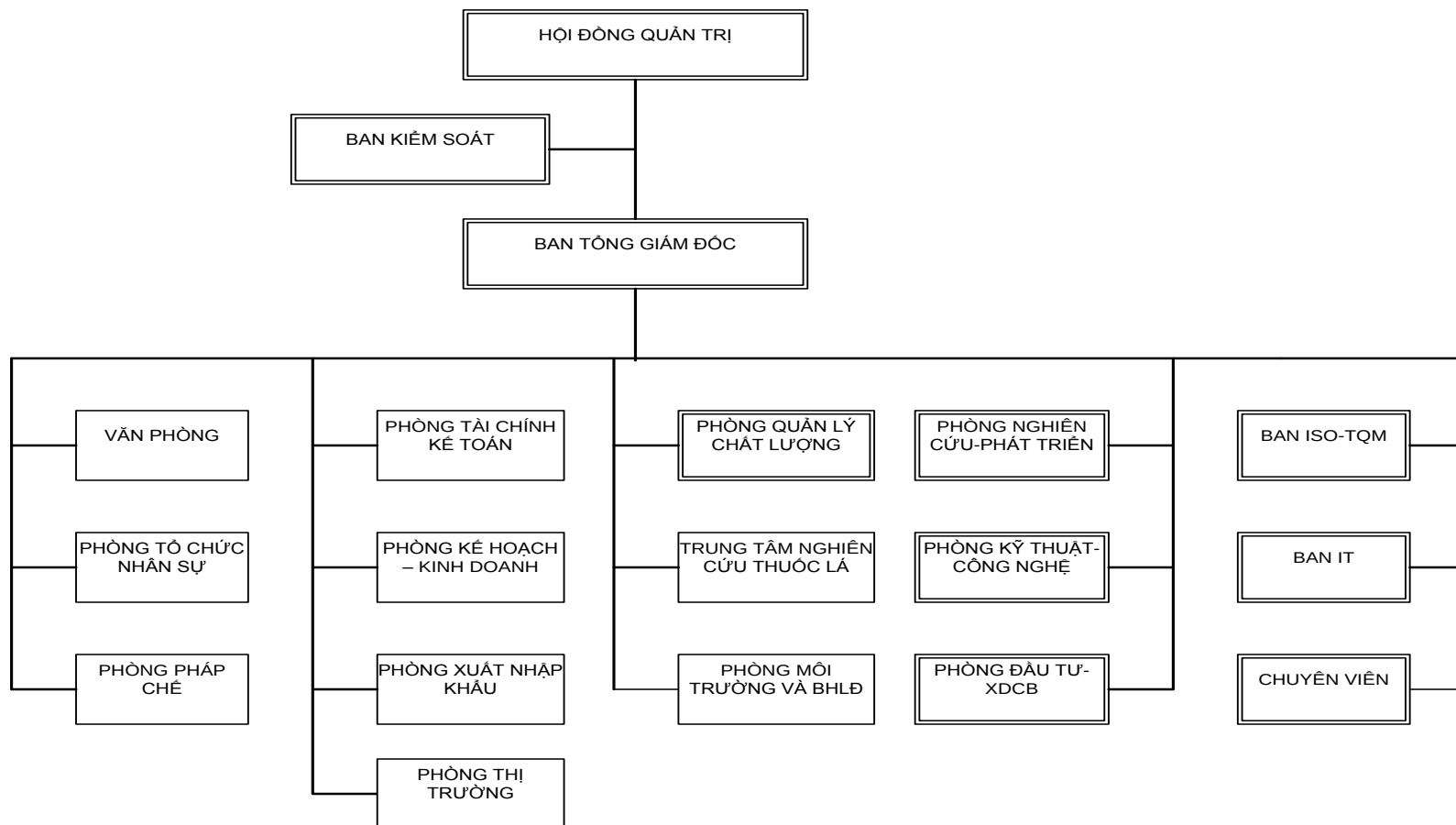
KHÁI TOÁN TỔNG HỢP KINH PHÍ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

ĐVT: VNĐ đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu - Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT 10%	Chi phí sau thuế
1	CHI PHÍ XÂY DỰNG	GXD	19.654.560.000	1.965.456.000	21.620.016.000
2	CHI PHÍ THIẾT BỊ	GTB	89.800.000.000	8.980.000.000	98.780.000.000
3	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	GQLDA	1.757.949.688	175.794.969	1.933.744.657
4	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	GTV	2.857.099.662	285.709.966	3.142.809.628
5	CHI PHÍ KHÁC	GK	830.339.034	83.033.903	913.372.937
6	DỰ PHÒNG PHÁT SINH	$GDP = (GXD + GTB + GQLDA + GTV + GK) \times 5\%$	5.744.997.419	574.499.742	6.319.497.161
7	DỰ PHÒNG TRƯỢT GIÁ	$GDP = (GXD + GTB + GQLDA + GTV + GK) \times 2\%$	2.412.898.916	241.289.892	2.654.188.808
	Tổng cộng:	GXDCT = GXD+GTB+GQLDA+GTV+GK+GDP	123.057.844.719	12.305.784.472	135.363.629.191
					<u>135.364.000.000</u>

Tổ chức bộ máy

SƠ ĐỒ BỘ MÁY VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU BẾN THÀNH



❖ Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

TT	Loại vốn	Thành tiền	% so với tổng vốn đầu tư
1	Tổng vốn đầu tư	135.364	100
2	Vốn tự có (chủ đầu tư)	45.364	33,51
3	Vốn vay có hỗ trợ lãi suất	90.000	66,49

Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD -62647 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt nam – Chi Nhánh Nam Sài Gòn. Theo đó. Ngân hàng cho công ty vay với tổng số tiền là 90 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi nhưng không quá 66,49% dự án.

BẢNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Trị giá	Đơn vị tính
Đầu tư (triệu đồng)		
Tài sản cố định (đã bao gồm 10% VAT)	135.364	Triệu đồng
Chi phí Nhà xưởng	21.620	Triệu đồng
Chi phí Thiết bị	98.780	Triệu đồng
Chi phí Quản lý dự án	1.934	Triệu đồng
Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	3.143	Triệu đồng
Chi phí Chi phí khác	913	Triệu đồng
Dự phòng chi phí	8.974	Triệu đồng
Tổng giá trị đầu tư	135.364	Triệu đồng
Nguồn tài trợ vốn	135.364	Triệu đồng
Vốn chủ sở hữu (33,51%)	45.364	Triệu đồng
Vốn vay (66,49%)	90.000	Triệu đồng
Thời hạn vay	7	Năm
Lãi suất vay	14%	Năm
Hỗ trợ lãi vay	14%	Năm
Khấu hao		
Thời gian khấu hao thiết bị (năm)	10	Năm
Nhà xưởng	15	Năm
Chi phí khác	10	Năm
Chi phí SX 1 m² bằng tải	1.356	Triệu đồng



Nhân công	0.12	Triệu đồng
Nguyên vật liệu	1.236	Triệu đồng
Chi phí sửa chữa thường xuyên	0.5%	Doanh thu
Doanh thu		
Sản lượng sản xuất bằng tải tối đa	90.000	M2
Giá bán 1m2 sản phẩm (chưa VAT)	1.8	Triệu đồng
Thuế TNDN	25%	
Thuế VAT	10%	
Tỷ suất chiết khấu	10%	
Thanh lý tài sản (15% giá trị đầu tư)	10%	Triệu đồng

BẢNG KẾ HOẠCH NGÂN LƯU

Dòng tiền/năm	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7
Cash inflow	90.000	24.833	14.409	17.227	20.045	23.157	26.269	27.912
Vốn vay	90.000							
Lợi nhuận sau thuế		1.053	4.165	6.983	9.801	12.913	16.025	17.668
Khấu hao		10.244	10.244	10.244	10.244	10.244	10.244	10.244
Thu từ thanh lý tài sản cố định		0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thuế VAT		13.536						
Cash outflow	135.363	12.857	12.857	12.857	12.857	12.857	12.857	12.857
Vốn chủ đầu tư	135.363							
Trả vốn vay		12.857	12.857	12.857	12.857	12.857	12.857	12.857
Dòng tiền thuần	(45.363)	11.976	1.552	4.370	7.188	10.300	13.411	15.055

BẢNG KẾ HOẠCH NGÂN LƯU (tt)

ĐVT: Triệu đồng

	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm	Năm	Năm 15
Cash inflow	32.198	32.198	32.198	30.459	30.459	30.459	30.459	32.934
Vốn vay				-				
Lợi nhuận sau thuế	21.955	21.955	21.955	23.874	23.874	23.874	23.874	23.874
Khấu hao	10.244	10.244	10.244	6.585	6.585	6.585	6.585	7.319
Thu từ thanh lý tài sản cố định	0	0	0	0	0	0	0	1.742
Hoàn thuế VAT								
Cash outflow	-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn chủ đầu tư								
Trả vốn vay								
Dòng tiền thuần	32.198	32.198	32.198	30.459	30.459	30.459	30.459	32.934

Giá trị hiện tại thuần (NPV)	75.354
Tỷ lệ thu hồi nội tại (IRR)	26%
Thời gian hòa vốn có chiết khấu	9 năm 3 tháng

KẾT LUẬN

Qua phân tích, dự án đạt được một số kết quả cho thấy dự án có tính khả thi cao:

- Tỷ suất sinh lợi nội bộ: IRR bằng 26%
- NPV của dự án là 75.354 tỷ đồng >0
- Thời gian hòa vốn có chiết khấu: 9 năm 3 tháng
- Hiệu quả xã hội:
 - Qua 15 năm hoạt động, dự án đóng góp cho ngân sách nhà nước 84.614 tỷ đồng thông qua thuế TNDN và 216.918 tỷ đồng thông qua thuế VAT.
 - Ngoài các chỉ tiêu phân tích về hiệu quả kinh tế, khi dự án được triển khai sẽ giải quyết được việc làm, đảm bảo quyền lợi theo quy định nhà nước cho người lao động.
 - Kết quả trên đã phản ánh dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất mang tính khả thi cao đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư. Dự án khi hoàn tất sẽ làm tăng hiệu quả tài chính, mang lại việc làm cho người lao động, sản phẩm từng bước thay thế hàng ngoại nhập. Góp phần vào nguồn thu ngân sách và gia tăng tổng tài sản kinh tế quốc dân.

VII.KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Đợt phát hành này với tổng số lượng phát hành là 4.124.999 cổ phần, phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá 10.800 đồng/cổ phần. Số vốn huy động dự kiến là 44.549.989.200 đồng sẽ được sử dụng toàn bộ cho dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép.

❖ Kế hoạch giải ngân dự kiến của toàn dự án

Trong năm 2012 công ty đã giải ngân 27.53 tỷ đồng (trong đó: 9 tỷ đồng từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần theo BCTC đã kiểm toán năm 2011 và phần còn lại là từ nguồn vốn vay ngân hàng) vào dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép. Cụ thể, Công ty đã đầu tư 27.38 tỷ đồng vào chi phí thiết bị và 150 triệu đồng vào chi phí xây dựng. Kế hoạch triển khai đầu tư dự án thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép được chi tiết theo bảng bên dưới.

DVT: Triệu đồng

Hạng mục	Tổng dự toán	Giải ngân năm 2012	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
Chi phí xây dựng	21.620	150			1.540	5.500	13.000
Chi phí thiết bị	98.780	27.380	1.100	1.500		2.200	
Chi phí quản lý dự án	1.934		160	160	160	160	160
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.143			700			
Chi phí khác	846						
Chi phí dự phòng	9.041						
Tổng cộng	135.364	27.530	1.260	2.360	1.700	7.860	13.160

Hạng mục	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng
Chi phí xây dựng	1.430							21.620
Chi phí thiết bị	19.100	3.000	32.000	5.000	3.000	2.500	2.000	98.780
Chi phí quản lý dự án	160	160	160	160	160	160	164	1.924
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.500						943	3.143
Chi phí khác							846	846
Chi phí dự phòng								-
Tổng cộng	22.190	3.160	32.160	5.160	3.160	2.660	3.953	126.313

Nguồn: CTCP Cao Su Bến thành

❖ Kế hoạch giải ngân đối với số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến sẽ giải ngân trong 6 tháng được sử dụng vào chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Kế hoạch giải ngân đối với số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán được chi tiết theo bảng bên dưới.

ĐVT: Triệu đồng

Hạng mục	Tổng dự toán	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tổng
Chi phí xây dựng	6.682	-	67	468	1.671	4.009	468	6.682
Chi phí thiết bị	33.412	3.341	6.682	-	6.682	3.341	13.365	33.412
Chi phí quản lý dự án	2.227	371	371	371	371	371	371	2.227
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.227	-	557	-	557	-	1.114	2.227
Tổng cộng	44.550	3.712	7.677	839	9.281	7.722	15.318	44.550

❖ Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không bán hết và phương án khi không thu đủ tiền từ đợt chào bán

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Phần cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, có thể xin phép UBCKNN về việc gia hạn thời gian phát hành trong trường hợp cần thiết.

Hội đồng quản trị dự kiến như sau: trong trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết. Hội đồng quản trị sẽ chào bán cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông hiện hữu.

Trường hợp vẫn không chào bán hết, Công ty sẽ vay thương mại để bù đắp khoản tiền còn thiếu do chưa huy động vốn đủ từ đợt phát hành

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức Phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ : Lô B 3-1. KCN Tây Bắc Củ Chi. xã Trung Lập Hạ. H. Củ Chi. Tp. HCM

Điện thoại : (84.8) 3790 8068 Fax: (84.8) 3790 7461

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐẤT VIỆT

Địa chỉ : Số 02 Huỳnh Khương Ninh. P. Đa Kao. Quận 1. TP. HCM

Điện thoại : (08) 3.910.5401 Fax: (04) 3.910.5402

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở : 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại : (04) 3.773 7070 Fax: (04) 3.773 9058

Chi nhánh : 29-31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 6.290 8686 Fax: (08) 6.291 0560

❖ Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng làm vốn lưu động đầu tư cho Dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép. Dự án trên giúp BERUBCO mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường đang ngày càng gia tăng.

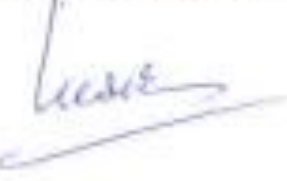
Trong bối cảnh nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi, định hướng đầu tư nâng cao thiết bị công nghệ, mở rộng sản xuất của công ty hoàn toàn phù hợp với xu hướng của nền kinh tế nói chung và định hướng phát triển của ngành công nghiệp cao su nói riêng.

Ngoài ra, đối tượng của đợt chào bán của đợt phát hành là cổ đông hiện hữu của công ty nên người được quyền mua cổ phiếu hiểu rất rõ về định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như ban lãnh đạo công ty. Vì vậy, rủi ro của đợt chào bán là rất thấp.

Nếu không có các diễn tiến thất thường gây ảnh hưởng đến đợt phát hành thì kế hoạch chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty, huy động vốn đầu tư dự án dây chuyền băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được báo cáo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Ngày 2 tháng 4 năm 2013

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH	
CHỦ TỊCH HĐQT   HUỖNH TRUNG TRỰC	TỔNG GIÁM ĐỐC  NGUYỄN VĂN THANH
KẾ TOÁN TRƯỞNG  LƯU THỊ TÔ NHƯ	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  NGUYỄN VĂN LƯƠNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC   NGUYỄN VĂN TRUNG